

Thiền yếu của Bách Trượng

PHÁP HIỀN CƯ SĨ

1. Giới thiệu tóm lược về hành trạng của Bách Trượng

Liên quan đến sự tích và những nguyên nhân tạo nên hoạt động thuở sinh thời của đại sư Bách Trượng, tư liệu lịch sử để lại quá hiếm, nay tham khảo những thư tịch có quan hệ, tạm thời viết đôi nét giới thiệu về hành trạng của Ngài, đồng thời có thêm những bình luận chung.

Đại sư tên Hoài Hải (720-814), người thuộc Phước Châu Trường Lạc, dòng họ Vương Thị. Thuở ấu thời theo mẹ vào chùa lễ Phật, Ngài chỉ tượng Phật hỏi mẹ rằng: “Đó là ai vậy?” Mẹ Ngài nói: “Phật đây”. Ngài nói hình dung của Phật không khác với người đời, con nhất định sau này sẽ làm Phật. Hai mươi tuổi rời quê, lầu thông tam học (1) nghe Mã Tổ khai đàn giáo hóa ở Giang Tây, tìm đến gởi lòng tu học, được Mã Tổ nhận làm thị giả. Chỉ khi nào đàn tín đem thức ăn chay đến, sư

mới ra trương dù và đem đĩa đựng, mỗi lần như vậy Mã Tổ lại đưa một miếng bánh lên, và nói với chúng tăng rằng: “là cái gì?” Do vậy, dưới pháp hội của Mã Tổ, sư được truyền thụ trực tiếp sự cảnh tỉnh của thầy, chẳng bao lâu liền chứng ngộ, sau đó đến trụ tại Tân Ngô Hồng Châu cạnh núi Đại Hùng, vì ở đây lô nhô đá dựng hiểm nghèo, nên sư có tên là Bách Trượng, học giả bốn phương tụ về tham học.

Sư chẳng những là bậc chủ soái của Tông môn, Thiên Tông sau này, cùng

với sức ảnh hưởng của sự đối với toàn bộ Phật giáo, càng lúc càng sâu rộng. Ở đây, bản văn chỉ nghiên cứu và trình bày một sự kiện trọng yếu nhất, đó là hình thái kiến lập Thanh quy trong chốn tùng lâm của Bách Trượng.

Thiền Tông truyền thừa từ Đạt Ma đến lục tổ Huệ Năng, giáo pháp trực chỉ đã thành là ngọn cờ tối thắng. Mã Tổ lấy gậy và tiếng hét để hiển thị cơ dụng, kẻ nào lãnh lợi vẫn được đi vào (pháp môn dành cho bậc thượng căn). Tuy hét là biểu tượng huyền cơ, nhưng

Ngài cũng lấy lời bình thường để mà chỉ dạy. Hình thức khai tâm như gậy, hét hay ngôn từ, tất cả điều đó đều mang ý nghĩa siêu nhiên: Đoạn dứt vô minh, tận trừ tình thức của người, không cho phép ta nghĩ bàn suy luận. Một vài điều như vậy đã nói lên cuộc cách mạng vĩ đại về phương pháp giáo dục của Thiên tông. Cuộc cải cách này, một mặt vì có sự dị biệt của các nhà Kinh Luận qua giáo thuyết, một mặt vì bộ phái Tỳ Ni (Luật bộ) với nghiệp hành quá tinh tế cẩn trọng, (tạo nên)

những khoảng cách (với quần chúng). Thiền Tông phát triển theo từng ngày, nên có vô số Tăng lữ ủng hộ nó, do vậy trong thống lãnh Tăng vụ, trong việc tham học pháp sự mang tính đặc thù, nó phải phát sinh những phương thức mới và những thích ứng cần thiết, đó chính là sự phát triển thực tế có thể thấy được. Thế thì có việc tương truyền “Mã tổ dựng từng lâm, Bách Trượng xây thanh quy” như chúng ta đã biết. Sự việc này quả là một sự kiện trọng đại của Phật giáo, và tiềm năng

của công sức ấy luôn tồn tại. Ngũ Tổ Hoảng Nhân sáng lập pháp môn Đông Sơn, tuy mang ý nghĩa là đạo tràng Thiền Tông chuyên môn, thế nhưng vẫn tôn trọng luật chế. Khi tông phong của Mã Tổ được lưu thông thuận lợi, thì việc thiết lập phong phú của Thiền sát (pháp chặt đứt nhanh chóng vọng tưởng của Thiền) vốn có nguyên nhân của nó. Bách Trượng nuôi chí lập thanh quy, quả là bậc tuấn kiệt biết hợp thời vụ. Văn bản “Cổ Thanh Quy Tự” của Dương Úc đời Tống viết rằng:

“Thiền Sư Đại Trí (tên Thụy), Bách Trượng từ Thiếu Thất mà sáng lập Thiền Tông, rồi từ Tào Khê đến nay, phần nhiều (các Tăng chúng) ở trong chùa có luật chế rõ ràng”.

Mặc dù lúc bấy giờ có đặt ra (viện) mang tính chuyên biệt, nhưng trong việc thuyết pháp trụ trì vẫn chưa phù hợp với chế độ luật nghi, nên Bách Trượng thường ưu tư đến vấn đề ấy rồi Ngài tuyên thuyết: “Đạo của Phật Tổ, muốn bố hóa rộng khắp, thì cánh (của nó) phải sải bay nguyên vẹn khắp biên

tế vị lai không diệt mất, há có thể tùy tiện đi cùng với các bộ phái A Phiệt Ma sao?” (2)

Truyện về Bách Trượng trong Tổng Cao Tăng truyện của Tán Ninh viết:

“Có người nói: Luận Du Già, kinh An Lạc đều là những bản văn giới luật của Đại thừa, sao không thể y theo nhỉ? Hải nói: Ta chiết lọc tinh hoa từ trong Đại thừa, Tiểu thừa mà đặt ra quy cụ để đưa vào thiện vậy. Thế nhưng quan điểm này được phát minh không noi theo luật chế, chỉ lập riêng cho Thiên.”

Tiếc thay, văn bản của chính mà Bách Trượng đã soạn thảo và hiệu đính nay lại không còn, nếu còn, thì chỉ có thể tìm thấy đôi điều trong “Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy” được triều đại nhà Nguyên bảo lưu, còn toàn bộ nguyên tác thì vô phương tìm kiếm. Ở đây, tôi dựa vào bài Tự ngôn của bản văn Dương Ưc Cổ Thanh Quy, và truyện viết về Bách Trượng trong Tổng Cao Tăng Truyện của Tán Ninh, qua đó chỉ có thể dẫn ra một cách khái quát nội dung quan trọng về vấn đề Thanh Quy

trong chốn Tùng Lâm mà Bách trượng đã xây nền tảng; đó là :

1.1- Khi vào tăng đường, bất kể trình độ (tu chứng, học tập) thấp cao, tất cả đều tập trung vào một chỗ để tham học. Trong Thiền đường bố trí một cái giường được gọi là “trường liên sàng - giường dài tiếp liền”, mọi người đều sử dụng nó để nằm hay ngồi tọa Thiền.

1.2- Trụ trì gọi là Trưởng lão, ở tại phương trượng.

1.3- Không xây Phật điện, chỉ có cây cối là Pháp đường. Trụ trì hay trưởng

lão đảng đàn thuyết pháp, hoặc nêu ra những phạm trù trọng yếu của tông môn cho hành giả tham học, những sự kiện như vậy đều được tiến hành ở đây.

1.4- Thường hạnh là trên dưới cùng chung sức thỉnh pháp, cùng lao động tập thể theo quy định, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp.

Đây là một sự kiện nảy sinh độc đáo, đúng là cuộc sáng tạo trong xây dựng, và là cơ sở kinh tế duy nhất trong chốn Thiền lâm vào thời ấy. Có thể cho

rằng, bốn điều khoản vừa nêu ra là cốt tủy của Thanh Quy Bách Trượng. Những điểm như vậy, đã đáp ứng được sự phát triển và những đòi hỏi trong tình hình mới của Thiền tông. Chế độ này là vì phục vụ cho Thiền tông, lý tính và trí tuệ không thể so sánh của Thiền tông có thể hiển lộ được hay không, chính là duy trì nhân tố quan trọng của sự sáng tạo chế độ này, có thể đối kháng với kinh luận đã giảng truyền, và có thể chiến thắng được quyền uy cực lớn của Luật tông, điều

đó đâu thể dễ dàng? Bách Trượng chẳng những làu thông kinh luận, mà sự sáng tạo lại siêu quần, cộng với công phu hành Thiền vĩ đại của Người, đã tạo nên sự cảm triệu phi thường, do vậy càng dễ dàng xúc tiến công việc của mình. Truyện viết về Bách Trượng trong Tổng Cao Tăng Truyện của Tán Ninh có nói rằng: “Một lần chống trái lật ngược lại các chế độ và hệ phái Tỳ Ni, Thiền Tông trong thiên hạ tợ gió xô cỏ rạp, Thiền môn một lối độc hành, được như thế khởi đầu do Hải

(Bách Trọng) vậy.” Đây là điểm luận bàn mang tính khẳng định.

Thiền học mà đại sư nêu giữ, thực sự kết hợp khăng khít với sinh hoạt đời thường, Phật sự phải được nghiệm chứng trong cần lao thường ngày như vậy. Tinh thần lạc quan của Thiền tông tích cực nhắm tới, là sự biểu hiện toàn vẹn ở việc lao động thực tế, điều này cùng với quan điểm dẫn đạo được đại sư nêu lên, kết hợp cùng việc rèn luyện chính bản thân của hành giả là không thể tách rời. Thường khi lao động, Sư

là người làm trước hết, chúng chẳng cam lòng, lén giấu nông cụ để thỉnh Sư nghỉ ngơi, Sư nói: “Ta vốn vô đức, phải cực cho người sao?” Khi nào tìm kiếm khắp mà không gặp nông cụ, thì khi đó Sư bỏ ăn. Do vậy mới có câu “Một ngày không làm, một ngày không ăn” lây lừng khắp thiên hạ.

Năm thứ 9, Đường Nguyên Hòa, năm Giáp Ngọ, ngày mùng 7 tháng Giêng, Sư thị tịch, thọ thế 95 tuổi. Nguyên Niên Trường Khánh sắc Tứ tên thụ Thiền Sư Đại Trí. Trần Hủ làm pháp

đề danh. (Xin xem Toàn Đường Văn, quyển 466).

2. Nhân duyên đại ngộ của Bách Trượng

Có thể nói nhân duyên đại ngộ của Bách Trượng là một sự kiện lớn đầy hiển hách trong tông môn. Nay dựa vào tác phẩm Bách Trượng Ngũ Lục và các bản văn ghi chép những gì có tương quan đến Ngài, rút ra nguyên văn, nhằm trình bày lại cho rõ ràng hơn.

2.1-Thoại đầu Dã Hạc

Sư làm thí giả cho Mã Tổ, trải suốt ba năm. Trong suốt ba năm này, cơ hồ tai nhuần, mắt nhuộm, huông chi Mã Tổ lại là bậc quá khéo dạy người.

Ngày nọ, đi cạnh hầu Mã Tổ, có một bầy dã hạc bay qua, Tổ hỏi: “Là cái gì?” Sư đáp: “Dã Hạc.” Tổ nói: “Đi xứ nào?” Sư đáp: “Bay đi qua.” Tổ liền vắn mũi sư. Đau quá nghẹn cả tiếng. Tổ nói: “Lại nói bay đi qua à.” Sư chợt tỉnh dưới lời ấy.

Kinh hành gặp Dã Hạc, thông dong

bay ngang qua, cảnh trí cũng rất bình thường, Mã Tổ sao chẳng biết, nhưng cứ muốn nêu ra hỏi thị giả. Chính câu hỏi đó mà trạng thái tỉnh thức được khởi sinh, đây là tấm lòng sâu nặng của cha đối với con. Đúng là cảnh giới của một sát na tâm đột hiện (làm đảo lộn mọi ý niệm), chắc chắn không phải cảnh giới mắt thấy tai nghe thông thường rồi vậy. Thế thì Tổ (liền vặn mũi sư), quả nhiên (cái sát na tâm ấy) hiện ra một cách không ngờ, Sư (đau quá thất thanh), dẫu vậy nhưng vẫn còn

chút hơi, Tổ nói: “Lại bay ngang qua à”, Ô la la! Thật là hiếm có nhân duyên như vậy, dưới lời ấy, Sư (tĩnh) ra, nhưng tĩnh cái gì cơ chứ? (mượn lời giải thích của Bàn Sơn: Ánh sáng không chiếu cảnh, thì cảnh chẳng thể còn), Bát Nhã đã hiển lộ một cách sinh động rồi vậy. Nhiệm vụ tất yếu khó đường ấy việc tiêu dung nó vẫn chưa trọn vẹn. Xin xem dưới đây vị thị giả tên Hải này phải trải qua quá trình tiêu dung trọn vẹn cảnh giới tĩnh ngộ như thế nào:

Thị giả về liêu của mình đau đớn khóc lớn, (Xin mượn lời của Mục Châu: “Việc lớn chưa rõ như tang chi ruột”). Bạn đồng sự hỏi rằng: “Ông nhớ cha mẹ chẳng?” Sư đáp: “Không.” Hỏi: “Bị người mắng nhiếc chẳng?” Sư đáp: “Không.” Hỏi: “Thế thì cái gì cơ chứ?” Sư đáp: “Chót mũi tôi bị đại sư vắn đau mãi không hết (chỉ mình tôi biết).” Đồng sự hỏi: “Vậy thì tại sao ông không vừa ý?” Sư đáp: “Ông hỏi lấy Hòa thượng đi (dám ngược ngạo vậy sao?)” Đồng sự đến hỏi đại sư: “Hải thị

giả vì sao không vừa ý, đang khóc trong liêu, bầm Hòa thượng dạy cho.” Đại sư nói: “Hắn cũng biết đấy, ông tự mình hỏi lấy y đi” (kề tai thổ lộ lời thân, sao có được đến người thứ hai.) Đồng sư về liêu hỏi: “Hòa thượng nói ông cũng biết, dạy tôi tự đến hỏi ông.” Sư bèn cười ngất (quả đúng cái được gọi là: nhà nghèo mà rạng rỡ niềm vui bất tận). Đồng sư hỏi: “Vừa rồi khóc, sao giờ lại cười thế?” (người ngoài sao biết được) Sư đáp: “Mới vừa khóc giờ cười thế thôi.” (Người xưa so sánh

trạng thái này như là Bồ-tát Thường Đề đặc Bát nhã, cười suốt đến giờ không dứt). Đồng sự chờ người ra (một người có việc trăm nhà hốt hoảng, côi đá đội đầu một cuộc mùa may.)

Dưới những câu nói quan trọng đó, người viết chấp vá thêm đôi lời, để khỏi bàn tán loanh quanh.

“Vừa mới khóc, giờ cười thế thôi”, trả lời như vậy tức là đã tiêu hóa cảnh giới giác ngộ rồi, nhiệm vụ tất yếu cũng được liễu giải, nhưng vẫn phải chờ gặp người mà đã sinh ra ta, nhìn cho tận

mặt, việc ấy phải cần gặp nhau cái đã, hãy xem ông ấy gặp Mã Tổ như thế nào đây?

Ngày sau, Mã Tổ đăng tòa, chúng vừa mới nhóm, sư ra cuốn chiếu lại, Tổ liền xuống tòa, sư theo vào phương trượng. Tổ hỏi: “Ta chưa nói gì sao ngươi cuốn chiếu?” Sư đáp: “Hôm qua bị Hòa thượng vện mũi đau quá.” Tổ hỏi: “Hôm qua ngươi để tâm vào đâu?” Sư đáp: “Hôm qua chót mũi lại chẳng đau.” Tổ nói: “Ngươi rõ chuyện hôm qua lắm.” Sư đánh lễ lui ra.

Cửa pháp yếu của Mã Tổ, ở đâu cũng vì người mà mở, mặc dầu ông ấy “Người ngồi xỏm trên đá của cửa sông U Châu”, bạn cũng biết sự tình trong đó vậy. Dòng thức chuyển lưu lãng đãng, thường chảy mãi, làm sao tiêu được mắt Bát nhã xoe tròn. “Sư ra cuốn chiếu lại”, tâm hành cái gì đây? Chẳng nên bày đặc xét suy, giống như người nắm đúng được thông tin. “Tổ bèn xuống tòa”, đúng là: “Đầu cần tơ nhợ động, được cá vảy găm mắc câu”. Sư cuốn chiếu lại, không cần hỏi Mã

Tổ giữa đại chúng mà đến tận phòng phương trượng mới hỏi, đây là bàn luận đến “người trong đó” cần phải như vậy thôi. Ví như bảo vật vô giá đã trao, kẻ sử dụng vốn biết rành chân giá trị tại thị trường. “Hôm qua bị Hòa thượng vặn đau đầu mũi”. Quả vậy, quả vậy, đau đó vẫn còn đây. “Hôm qua ông đề ý đến gì?” Tất nhiên là muốn kiểm tra sự gút mắc có quan hệ đến đại sự cho rõ. “Hôm nay chót mũi lại chẳng đau’, kẻ vượt cửa đi. Thầy trò gặp nhau kiểu này, trường (cuộc)

công đức ấy đã viên thành rồi vậy. Thậm chí, “Hôm qua ông đề ý đến gì?”, một đoạn như vậy thôi, thế là: Phát vô thượng tâm, hàm chứa nội dung đốn ngộ một cách vẹn toàn, chỉ tấm lòng bình thường mà biết rõ việc hướng lên (chỉ bình thường tâm là biết đạo), tức cũng gặp đúng duyên chạm phải. Cho phép nói như thế này với những ai mới phát tâm học đạo (trong đó có cả tôi) rằng việc đại ngộ của Bách Trượng chẳng can dự gì đến ông ấy (Mã Tổ) cả.

2.2- Lại tham thoại đầu

Bách Trượng ngộ thì ngộ đấy, nhưng mà trăm thước đầu cần (câu) lại tiến thêm bước nữa, ở đây vẫn còn có nhân duyên đại ngộ (tái tham). Sư lại tham phỏng, đứng chờ kể bên. Tổ nhìn phát trần treo góc giường. Sư nói: “Dừng (cái) đấy ngay, bỏ dụng đấy.” Tổ hỏi: “Ông sau này dụng chi khái hóa cho người?”

Sư nắm phát trần dụng dậy. Tổ nói: “Dụng đấy ngay hãy (bỏ) dụng đấy.” Sư treo phát trần về chỗ cũ. Tổ hét một

tiếng rền, mãi đến ba ngày Sư vẫn ù tai.

Công án “Tái tham thoại” này nổi tiếng nhất trong Thiền tông. Gay gắt như mặt trời đỏ, ánh sáng quyền uy áp đảo người. Vì Bách Trượng mà Mã Tổ hiển thị đại cơ đại dụng, Bách Trượng cũng đắc đại cơ đại dụng của người, cha con chung lối, con cháu truyền nhau. Tông Lâm Tế lấy đó làm cương yếu vô thượng để truyền thừa về sau, phải nhìn thấy được ngay!

Một ngày, Bách Trượng nói với chúng

rằng: “Phật pháp là việc lớn, khi xưa lão tăng bị Mã đại sư hét cho một tiếng, ba ngày vẫn còn ù tai.” Hoàng Bá nghe nêu ra sự việc ấy, bất giác thè lưỡi, nói rằng: “Nay nhân Hòa thượng nêu lên, được thấy đại cơ đại dụng của Mã đại sư.” Hoàng Bá tiếp nhận ngay sự ấn khả của Bách Trượng.

Bách Trượng có riêng một pháp tử tên là Quy Sơn, thừa pháp của Quy Sơn là Ngưỡng Sơn, cả hai cũng đã từng luận bàn ngợi khen công án “Tái tham thoại” này. Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn:

“Nhân duyên Bách Trượng tái tham Mã Tổ, ý chỉ của hai vị tôn túc này như thế nào?” Ngưỡng Sơn nói: “Đó là hiển lộ đại cơ đại dụng.” Sơn nói: “Đúng vậy, đúng vậy.”

Mấy lão già đàn độn ấy, đều chung huyết thống, đều nói “Tái tham thoại” là hiển đại cơ đại dụng, truyền mãi về sau, lời cũng y như vậy. Tóm lại, cơ dụng phải hiểu như thế nào? Thật ra cơ dụng chính là phương tiện hoạt thoát, thuộc tính chất lâm thời, trực tiếp điều khiển nó, nó liền ngay đây mà thể hiện

ra (khởi tâm tức hiện) (3). Năng lực tron nhảy của nó không bị vướng bắt cứ tình huống nào, chính là có chỗ chỉ ra. Trạng thái này rất khó luận bàn, nhưng lại khiến cho ta được mở ngay con mắt tuệ, cái quý của nó là ở chỗ này. Nếu không có trí Bát nhã. không có ý Tổ linh hoạt, phương tiện vốn không rời bản thể, bản thân không đủ tầm nhìn, thì lại càng khó nhận thức được nó.

Khi Tông Lâm Tế hưng thịnh, những bậc kế thừa xa nhất của tông này,

chẳng hạn các vị thiện tri thức Thiện Thiệu Phần Châu, Uẩn Thông Thạch Môn (luôn cả dòng pháp Tỉnh Niệm Thủ Sơn), những bậc thầy như vậy đều có đề cập đến Công án “tái tham” đó. Phần Châu nói: “Ngộ được thì nghỉ, lại nói chi ba ngày ù tai.” Thạch Môn nói: “Nếu không ù tai ba ngày, sao ngộ được như vậy”. Đông Lâm thường nói với tất cả chúng rằng: “Đang nói chẳng sợ cắt lưỡi, ngay lò chẳng ngại lửa bùng. Phật pháp há có thể quanh co theo người (cho vừa lòng người). Nay

Đông Lâm vào tận hang rồng đoạt châu đi vậy. (Ý nói Đông Lâm đã sở đắc trọn vẹn tinh yếu của huyền cơ diệu dụng.) Đại Trí Bách Trượng không thể không ù tai ba ngày, trách chi Phần Châu, Thạch Môn đủ cả hai cái gã ngu si, chỉ ba lão ấy có hội ngộ hay không?” Lương Cữu nói: “Tổ bù không đủ, hại đám con cháu con.” Tuyết đầu của Tông Vân Môn đang thời hưng thịnh cũng nêu rằng: “Khi xưa chư Thiên đức quả khác thường, giờ đây quá nhiều bè phái bày ra,

nhưng xét căn bản của họ thì quá ít”. Tóm lại, Bách Trượng đại ngộ dưới tiếng hét, cũng không có đầu mối sao? Thế nhưng, giống như đao điêu, lung tung ngư lỗ (4), nếu là lão Hán sáng mắt, còn gã mắt mù dù một điểm cũng chẳng xong. Chỉ như Mã Tổ nói rằng: “Người sau này dụng chi giáo hóa người?” Thì Bách Trượng mới dụng cây phát trần dậy, lại làm như loài côn trùng khổng chế cây cối, cùng lúc lại làm như vừa nhai lại vừa nhả bỏ, ba ngày ừ tai các người ai biết vậy? Tinh

luyện vàng một cách toàn diện, màu sắc phải không biến thái. Và lại, Chân Tịnh có khắc tụng văn về “Tái tham thoại đầu” rằng: “Tùy thuận thế gian chân bước chắc, mà ánh uy thần chẳng hay hiển lộ. Bỗng nhiên, hét một tiếng ù cả hai tai, chao ôi! Mắt mở mặt mày Hoàng Bá” Vẫn còn nữa, Ngô Tân Tử đem lời Tuyết Đậu nêu lại đặt thêm cho nó một vấn đề: “Vân Nam này (Ngô Tân tự xưng như vậy khi ở núi Vân Nham) muốn hỏi Tuyết Đậu rằng, đã tinh luyện vàng toàn diện như vậy

phải không đôi sắc, vì sao mà lại ba ngày ù tai nhỉ? Mọi người sẽ biết gì, khi mà trước đây ngựa đồ mồ hôi, (hản mả) chỉ cần luận lại cũng cho phép thay được công lao”

Những gì liên quan đến Công án “Tái tham thoại đầu” này, vừa trích dẫn ra đã là một chuỗi cở phẩm. Người viết thấy chẳng cần giải thích thêm, xin người đọc lưu tâm. Có người cho rằng, ba ngày ù tai chẳng phải là cảnh giới “không đi nay đến chạt dứt trước sau” ư? Điều ấy cũng đâu có gì đặc biệt,

trong một vài ngữ lục lại chọn ra. Có thể việc chọn lựa này chẳng có liên quan gì, nhưng cái cần thiết là đừng nên so sánh một cách chung chung. Tóm lại, Mã Tổ hét một tiếng chấn động uy thần, Bách Trượng đã ba ngày vẫn ù tai, vừa đủ điếc. “Âm tiêu tịch mặc về đâu nhỉ? Ngoài song trời lặn bóng ngày nghiêng”, có nhìn rõ bóng ngày nghiêng hay chưa? Con mắt của người điếc hẳn nhìn được chính xác đấy!

Mã Tổ sử dụng gậy (đánh) hay bằng

một tiếng hét để biểu tượng huyền cơ diệu dụng, có thể khiến người tham học ngộ được như vậy. Nói chung giống như là Hắc Tất Dũng (5) phóng hào quang, quả thực là phương tiện tối thắng của pháp môn đốn giáo, dù Tổ hay Phật ngàn xưa cũng phải châu mày. Bách Trượng là đưa con trai đầu lòng của Mã Tổ (ý nói đệ tử chánh truyền đầu tiên) được đích thân Ngài giáo dưỡng, rốt ráo giải thoát hai chướng ngại (6) (tận thoát hai chướng ngại), không còn một vết in nào trong

dòng thức (một điểm lậu hoặc cũng không còn). Bách Trượng hiểu được trọn vẹn trí Bát nhã linh diệu, nhiếp thâu ý Tổ linh diệu qua biểu hiện của gậy và tiếng hét. Biết được cảnh giới vi tế một cách sâu xa. Thể hiện hạnh tự tại (phát thú hạnh tự tại), dựa trên pháp Phật lưu truyền và chư Tổ, thấu suốt huyền cơ diệu dụng của trí tuệ thực chiếu, chỉ có Bách Trượng, là người thủ đắc toàn diện như vậy mà thôi.

Sau Bách Trượng là Hoàng Bá, sau Hoàng Bá chính là Mục Châu, Lâm Tế,

cả ba đều là những đại tông sư của Tông Lâm Tế. Đặc trưng của Hoàng Bá là sử dụng nhiều cú nghĩa để dạy người, cũng có khi hiển thị ra bằng gậy đánh và hét. Cho đến Mục Châu, sự thể hiện bằng gậy không mang hình thái “uy thế”, mà nó được thể hiện bằng tính u mặc, lắng sâu. Bốn phạm trù Sinh, Sát, Tung, Đoạt và Thiên phong cao siêu đặc thắng của Ngài tương ứng một cách nghiêm mật. Đến Lâm Tế, dừng ngay than văn luận suy! Sấm sét Bát nhã rền, đánh vang chuông đồ độc

(7), hiển thị trọn vẹn tính hoạt thoát của huyền cơ diệu dụng qua gậy, và tiếng hét, trí Bát nhã tỏa rực khắp nơi, dứt mệnh căn lại khen chính mệnh, dứt tuyệt thức tình càng ngợi ca diệu trí, quả chưa từng có vậy. Ba bậc thầy trên khôi phục và phát triển Thiền đạo của Mã Tổ và Bách Trượng, (các ngài) ví như hành tướng uy dũng của Rồng Voi (Long Tượng), lũ ngựa lừa không thể kham cho được. Tông Lâm Tế căng tròn bầu sữa pháp, phẩm chất khôn dò, từ pháp môn trực chỉ năng lực siêu việt

bắn thẳng ra, không pháp nào có thể vượt trội hơn, đích thực là nó có căn nguồn của nó.

Ở đây đề cập đến phương pháp giáo học bằng gậy và tiếng hét, nhằm minh định phương pháp ấy là một cuộc cải cách vô cùng to lớn, nó trân quý đến độ khó có gì có thể quý hơn. Chúng ta sẽ trở lại ý nghĩa hay xu hướng có tính chỉ thị bằng gậy và hét (qua phương pháp giáo dục đó), trong bản văn viết về Tông Lâm Tế.

3. Khai Thị quan trọng trong tiếp cơ

Một đoạn lớn ấy được kể như là sự mô tả những khai thị quan trọng trong tiếp cơ của Bách Trương, điều này cũng có nghĩa là Thiên yếu của Ngài đang thể hiện tại đây. Do vậy cần phải hiểu là nếu từ bỏ công án thì lại không thể bàn luận đến (cái gọi) là Thiên yếu nào khác. Luận bàn đến điểm này, nếu nâng một hình thức khái quát để có thể thấu triệt nó, thì chẳng khác nào thưởng hoa trong cảnh sương mù, rốt lại bị một lớp ngăn. Nếu chẳng dựa vào công án để hút lấy tinh hoa của Thiên,

cái khả năng đó chưa thấy được bao giờ. Bây giờ chỉ chọn 10 công án của Bách Trượng. Mỗi công án đều có vấn đề trọng tâm cần giải quyết. Đã vậy, phải phân ra từng đoạn, nói đúng như quy luật của chúng.

3.1. Không gặp, nếu gặp trình cho hòa thượng

Ở đây, chưa nói đến công án tiếp cơ (ứng vật tiếp cơ) của Bách Trượng, đầu tiên chỉ nêu lên tác này, để nói lên như thế nào là sự đối ứng của Ngài với Mã Tổ. Điểm trọng yếu của nó là nhằm

giải quyết vấn đề “biết rõ” (thấu triệt hiện hữu-tri hữu) (8) về sau của Thiên Tông, vấn đề duy nhất này về (hữu) ứng xử ra sao?

“Một ngày kia, Mã Tổ hỏi sư (Bách Trượng): “Chỗ nào đến?” Sư đáp: “Sau núi đến.” Tổ hỏi: “Gặp người nào không?” Đáp: “Không gặp.” Tổ hỏi: “Vì sao không gặp?” Đáp: “Nếu gặp tức trình cho Hòa thượng rồi.” Tổ hỏi: “Chỗ nào được ra tin tức này.” Đáp: “Tội Hoài Hải quá!” (Những văn bản khác cũng viết tên Ngài như vậy). Tổ

nói: “Tức là lỗi của lão Tăng.”

Tắc công án này xứng đáng là chủ luận cương yếu của Tông Tào Động. Tiêu điểm Hồi Hổ của Tông Tào Động, về sau đặt trọng tâm vào vấn đề “biết rõ” (tri hữu) hay nhận thức thực hữu, và trí tuệ quán hành về “hữu” cần ứng xử như thế nào. (Lạc) Dục sơn có nói: “Ta nay vì người nói lời này, hiểu ra cái khuôn mặt ngàn đời không mất tai (mũi lưỡi) lạ thường của tuyệt ngữ vô ngôn”. Chí lý thay lời ấy! Bách Trượng từ sau núi lại, đã trải qua cái (trạng

thái) tịch tĩnh trực hiện ngay đây. chớ chẳng phải là một chuyến chạy rong (chạy rong qua cái trống không). Bản thân của Bách Trượng tuy là biết rõ (nhận thức được thực tại), hiểu được nó, nhưng vì nó không có mặt mày tai, mắt, (mũi lưỡi...) Ai mà có thể hội ngộ cùng? Mã Tổ liền hỏi ngay một câu rất ráo: “Gặp người nào không?”. Vì ý sẵn trong tâm, do vậy ứng đối ngay “không gặp”. Trả lời như vậy, tức là hiện ra Trí tuệ “Nếu chẳng biết nó, thì làm sao mà giải được như thế. (động sơn ngữ)”.

Mã Tổ kích động, ngợi khen Bách Trượng, nhưng tùy lúc nhắc nhở cái tinh yếu chung (cái tinh hoa phổ quát), lại gút một câu hỏi nữa. “Vì sao không gặp? Bách Trượng đã biết rõ khuôn mặt lão già nua ấy, lão già ấy từ xưa đến giờ không nhà mà ở được, đã vậy, há có thể gọi ra chẳng, không biết rõ (biết có) tức là không từng mặt, một niệm thuần nhiên, tuyệt dứt đối đãi nhị nguyên. Vì cái bất tri quá tuyệt diệu, nên Bách Trượng đáp theo: “Nếu gặp tức trình cho Hòa thượng rồi.” Trả lời

như vậy tức là hiển ra trí tuệ “Nếu chẳng biết rõ, làm sao mà giải lý được như thế” (Động Sơn ngữ). Đến thế mà Mã Tổ còn chưa cho phép, mênh mông đến tận bây giờ, dù trên quý chỗ cảm nghiệm ấy, nhưng đột nhiên lại hỏi phủ đầu “Chỗ nào được ra tin tức này vậy?-(Đâu mà có Tứ niệm xứ tức này đến vậy?)” Bách Trượng gặp câu hỏi này, tự mình biết là đã tổn thương rồi cái đó, do vậy đáp rằng “Hoài Hải tội lỗi lắm”. Chưa hẳn là Mã Tổ tự nói “Tức là lỗi của Lão Tăng”. Việc khởi từ ông

ây và dây trói cũng ở trong tay ông. không chỉ làm tổn thương cái bốn lai không diện mạo, mà còn buộc Bách Trượng nói ra (cái đó) nữa, do vậy lão già cũng thốt “Tội Lão Tăng”. Cả hai cha con ông ấy đều có kỹ thuật sát thương. Với chúng ta, cái chắc chắn nhất là hai chữ tội quá (lỗi lắm), còn với cảnh giới cảm nghiệm, vừa biết rõ cũng vừa không biết rõ, tóm lại còn phải xem chừng (khéo giữ gìn). Trong kinh Bát nhã chỗ nào cũng nói “Khéo hộ niệm”, nghĩa là cảnh giới cảm

nghiệm trí tuệ (xúc chứng trí tuệ).

Hành giả phải lấy diệu tuệ khéo làm ý thức bảo chứng, không khéo giữ gìn tức thành tội lỗi, (nói cách khác khéo giữ gìn hay thâm hộ niệm không cho hiển lộ), phải tự mình biết cái tội lỗi của việc xúc phạm, tội tức phi tội chuyển hóa thành hộ trì vậy. Đó chính là điểm giáo huấn đời đời tăng trưởng (về sau) của Tông Tào Động. Pháp vị của tác công án này quá nhiệm màu để ta giữ gìn mà tự mình hưởng lấy. Tính chất uyển chuyển cơ dụng của cha con

ông ấy, liên kết với nhau một cách diệu kỳ (đến độ) ta khó thể nhận ra đâu là chính vị, cái then chốt đó hàm chứa công năng cực lớn. Với tác công án duy nhứt này, nó đã thành là hệ thống cương yếu của Thạch Đầu Dược Sơn. Do vậy, Thiền đạo được họ thể hiện và hộ trì, bao quát hết tất cả.

3.2. Công án không đói (bất đạo cơ)

Ở đây nêu lên những gì đã được Bách Trượng khai thị để tiếp cơ.

Sư nói với chúng rằng: “Có một người luôn không ăn mà vẫn không đói, có

một người ăn hoài mà không no.”

Tâm yếu này được Bách Trượng nói ra là để dạy chung cho những ai mới phát tâm cầu học. Chủ yếu là chỗ thi thiết phương tiện rốt ráo đưa đến trạng thái “biết rõ” hay tri hữu, dựa vào đó để mà kích phát cái phận sự tất yếu hiển bày.

Ưu điểm của tham Thiên là (trực nhập) không so sánh phỏng chừng. Có người cho rằng: Câu đầu (của công án ấy) nếu chẳng phải là thuyết đến tính chất của bản hữu thì là gì, (tính chất của bản hữu), vì tự tính thanh tịnh tràm nhiên

bất động, nên ông ấy chẳng chịu ăn. Do vậy, nói rằng: “Mãi không ăn vẫn không đói.” Câu sau nếu chẳng phải nói đến cái tâm hiện tiền thì là gì nữa. Bốn cách ăn trên đời này, cái tâm hiện tiền đều dùng được, đó là: đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực-(10). Do vậy nói: “Ăn hoài cả ngày vẫn không no.” Đoạn lý giải trên nhằm đánh vào cái phỏng chừng so sánh, bạn tự cho mình phỏng đoán đúng được nó, nhưng ngay nơi giáo ý, cái cứu cánh ấy có quan hệ gì đến cái phận sự tất yếu

mình chẳng? Và như vậy có suy ra được cái trạng thái Minh tâm Kiến tánh chẳng? Thật nghìn trùng xa cách quá!

Từ xưa đến giờ ai cũng nói tâm nói trí, chuyển dịch mê mờ liền ngộ nhập. Thiền Tông chẳng phải như vậy, sao bằng Bách Trượng nói lên đôi lời từ mẫn thiết thân-Mãi không ăn cũng luôn no, cả ngày ăn hoài vẫn đói - Càng nghe ra càng có đôi điều nương tựa. Có người cho rằng, cái ăn của Bách Trượng nói là dụ ngôn, tâm tính mới là chân pháp thiết thân. Có người

lại cho rằng, tâm tính mới là dụ ngôn, dù giả thuyết có hợp lý thế nào đi nữa, thì ai mà biết tình cảm thân thiết của người? Do vậy “ăn” mới là chân sự thiết thân, nhắc cây trụ lên rồi, mặc cho nhắc như vậy đi! (Nghĩa là đã tranh biện khuấy động rồi, cứ khuấy động lên đi.) Nếu ông bạn của chúng ta tùy tiện ăn, thì hai người ấy chẳng ăn, hóa ra có đến ba người, vậy thì càng làm cho người mê muội sao? Chẳng biết cứu cánh của Bách Trượng nói là một người hay là hai người? Chỗ này

khó mà dứt điểm được, cái việc khó định duy nhứt đó, mới thật sự là tấm lòng từ mẫn thân thiết của người. Hai câu nói ấy được Bách Trượng thuyết, cái ý chính là khiến ta chịu khó “tâm tư” (tâm tư-là thuật ngữ dùng cho Thiền pháp của tông môn, ý nghĩa của nó sẽ được trình bày ở hai bản văn viết về tông Quy Ngưỡng và Tào Động).

Về sau Động Sơn lập nên hệ thống giáo pháp Ngũ Vị Công Huân (chính là hệ thống giáo học Ngũ Vị Công Thần), hệ thống ấy lý giải tiến trình tự chứng

ngay được đạo qua phương pháp quán hành Thiền tông. Tiết thứ nhất trong hệ thống này, Động Sơn luận đến “Hương”. Có vị Tăng hỏi như thế nào là hương? Động Sơn trả lời: “Làm gì khi ăn?” Lại tiếp: “Được sức cần quên no, không có lương (dứt nguồn lương thực) lại chẳng đói.” Nếu có thể hiểu lời dạy của Động Sơn, và dựa luôn cả hai câu nói của Bách Trượng, thì đó mới là chỗ dụng công đúng lúc của hành giả sơ tâm. Cái mà Động Sơn gọi là hương, chính là chỉ cho xu hướng,

hay nói khác hơn là hướng thẳng đến. Nếu ngay từ ban đầu, việc tri hữu (nhận thức thực tại) không được chuẩn bị chu đáo, và niềm hưng phấn hướng đến trạng thái đốn ngộ, thì cái gì là “xu hướng”? Chớ vội nói đến “thú hướng nhứt thừa”, mà phải nói đến tâm hướng của mình đã chuẩn bị như thế nào, nếu không như vậy há có thể đạt được biên tế thật sự thuộc về hiện thể (hữu) này của đốn ngộ chăng? Và làm sao mà trí tuệ có thể tự tại chuyển lưu? Nước đầu nguồn có sinh động, cá mới vui bơi tận

đáy, điểm này vẫn phải cần nắm chắc lấy, do vậy “hương” chính là cốt tủy. Động Sơn nêu ra pháp thoại “Khi ăn làm gì?”, phẩm tính trọng đại của câu nói này, vốn có sự tồn tại của “hương” trong đó, phải là như vậy thôi. Thậm chí đã thông đạt nghĩa lý một cách hoàn mãn rồi, ta mới chột ngộ (đốn ngộ) được cái bản lai không tai, mắt (mũi, lưỡi) ấy của pháp thoại “Mãi không ăn vẫn không đói, suốt ngày ăn chẳng thấy no”. Tiến thêm bước nữa, hành giả sẽ tự mình thực chứng cảnh

giới chân như được Động Sơn chỉ dạy qua câu nói “Được sức phải quên no, không có lương thực lại chẳng đói”. Đến giai đoạn này, mới được gọi là chân trí, vì hành giả đã thực hiện xong nhiệm vụ tất yếu của mình một cách trọn vẹn. Xứng đáng là nhân vật cốt lõi, đã không phải là gã ở ngoài cửa nữa.

Đây là tác công án của Bách Trượng khai thị chung cho người mới phát tâm tham học, vì tính trọng yếu hiện thực của nó, mà tông Quy Ngưỡng bày tỏ sự

ủng hộ của mình với đường khâu vá cho tấm bia văn ngàn năm tưởng đã rạn nứt ấy. Cũng vậy, Tông Lâm Tế lại triển khai khi mà hỏa thế vẫn đang thừa sức cháy bùng, đến như mũi kim của tông Tào Động, có thể chẳng ai dẹt thêu đến chỗ tinh hoa bí nhiệm, nhưng rõ ràng họ là những nhân vật tích cực xiển minh. Thật hợp lý biết bao khi đem hai câu khai thị ấy của Bách Trượng làm thành phương tiện cương yếu của tông Tào Động trong việc dạy dỗ cho những ai mới phát tâm cầu học

đạo.

3.3. Bôn ba hằng ngày vì ai vậy?

Vân Nham hỏi: “Bôn ba hằng ngày vì ai vậy?” Sư đáp: “Có một người muốn.” Nham hỏi: “Sao không dạy anh ta tự làm.” Sư đáp: “Hắn sống (hoạt động) không nhà.”

Tắc công án ấy, có thể nói là cùng một vấn đề của thoại đầu “Không nói đôi no-Bất đạo cơ bào” như đã đề cập. Tuy cùng một vấn đề, nhưng theo nhận xét chung, tắc công này ấy dễ thâm nhập hơn. Đối với những ai mới phát tâm

cầu học, Bách Trượng không thị hiện bằng phương tiện hét và đánh chỉ có một (mùi) vị duy nhất là bàn bạc thật thà, thế nhưng trong ấy ngậm xe chỉ luồng kim mà tiếp độ học nhân. Đúng là “Uyên ương khéo dệt màu lông lầy, trên sông hồ, tự tại cuộc nhàn du”, ta phải thấy đầu mũi kim của Ngài vốn bén nhọn như thế nào rồi đây.

Vân Nham tên Đàm Thịnh, hậu duệ của Lạc Sơn, thầy của Động Sơn, Ngài là một nhân vật đứng đầu của tông Tào Động. Mãi hai mươi năm tham học

dưới pháp hội của Bách Trượng, Ngài chưa khế ngộ, sau gặp Lạc Sơn, nhân đoạn đối đáp “Pháp là gì?” giữa Bách Trượng và Lạc Sơn; Ngài đã bàn đến tắc Thiên cơ (cơ tắc), luận bàn đến câu: “Cái gì thế” khi Bách Trượng hạ đường, Lạc Sơn nói: “Sao không sớm nói như vậy, có ngày nay là do tôi gặp được Hải huynh (Bách Trượng)”. Sau lời ấy, Vân Nham mới tỉnh ngộ. Dựa vào đây, ta có thể nói rằng, Vân Nham chưa đạt được trạng thái toàn tri dưới pháp hội của Bách Trượng, mãi đến

khi được Lạc Sơn đề tỉnh Ngải mới mở
bừng mắt tuệ. Thế nhưng, chẳng huân
tu Bát nhã nơi Bách Trượng, làm gì có
một Vân Nham của ngày sau, nếu
chẳng trải qua dấu chấm phá duy nhất
(nhất điểm) của Lạc Sơn, làm sao mà
Vân Nham biết được một cái gì đó nơi
Bách Trượng? Và làm sao mà có thể
biện giải nhiệm vụ tất yếu của mình
một đời mưu tìm biết rõ (tri hữu)?
Bách Trượng, Lạc Sơn, hai nhà sáng
tạo như vậy đó, chỉ tiếc là Vân Nham
còn mê nơi Bách Trượng, nhưng may

mà gặp Lạc Sơn nên được tỉnh ra.

“Bôn ba hàng ngày vì ai vậy?” Nói chung, mọi người đều có cái nghi vấn như thế cả, bất luận khi nào, cho dầu tự mình không thể lộ ra, dầu việc trách phạt có vẻ như thổ lộ rồi, nhưng cứ thế mà đoán suy, nghĩa là mày mò theo đuôi, cho đến khi nào được dịp giải quyết thôi. Vân Nham hỏi Bách Trọng thoai đầu ấy, chính là có ý đồ để giải quyết nó. Bách Trọng trả lời với Vân Nham rằng: “Có một người muốn (cần)”. Nói chung như vậy chính

là hiện hữu một con người, muốn anh ấy phải bận rộn vì hấn, nghĩa là anh ấy buộc phải vất vả trong cuộc chạy ngược chạy xuôi. Rốt lại ai là nhân vật như vậy? Chẳng lẽ trong ta lại có cả người nào khác nữa? Lẽ thường là thế, nhưng mà nếu có người nào nữa thì vẫn là sự cách biệt ngàn trùng. Từ xưa đến giờ, mỗi tư duy nhứt này, có biết bao chư Bồ-tát trí tuệ đã chặt đứt tháo bung. Lạc Sơn là một trong những vị Bồ-tát như vậy. Ngài nói đến cái nhân vật đó rất gọn, rất rõ cho những ai mới

phát tâm cầu đạo, Ngài nói rằng “Cái con người đó xưa nay vốn không mắt, tai, mũi, lưỡi, v.v...”, đây là lời chân thật, lời ấy phải được hộ trì.

Vân Nham hỏi: “Bôn ba hằng ngày là vì ai vậy?” Bách Trượng đáp với Ngài: “Có một người muốn.” Đáp như thế có nghĩa Bách Trượng chỉ cho cái thiết yếu của khuôn mặt vô tướng ấy, đang làm bận rộn anh đấy. Thế nhưng Vân Nham khi đó quá nhiều sở tri, theo ông có thể cái khuôn mặt vô tướng hầu như huyền ảo, do vậy lại hỏi rằng: “Vì sao

chẳng dạy y tự làm”, đã vô hình tướng mà lại hỏi dạy y làm, hỏi như vậy chẳng khác nào nói: “Không lười mà thuyên thuyết, không tay lại vung quyền” sao? Biết thế nên Bách Trượng chỉ có thể nói như sau: “Hắn sống không nhà” hay nói khác hơn là sự hoạt diệu của nhân vật vô tướng ấy vốn vô sở y. Động Sơn càng “lắm lời”, đề ra cái gọi là: “Thường tại trong động dụng, trong động dụng giữ được đâu.” Cái nhân vật vô tướng mạo ấy, vốn chẳng rời ai, dầu bạn muốn biết hay

không biết tới. Anh ta dẫu sống không nhà cửa mà bắt ta phải bôn ba, nhưng nếu bạn suy nghĩ lung tung, bạn rộn vì hấn, họa loạn liền phát sinh ngay. Ngược lại, nếu rõ được hấn rồi, vất vả hằng ngày càng thêm nghĩa thú, cho dù không biết, cũng chẳng mất đi đâu, nghĩa là bạn cố công mài chẻ thì lại càng khó gặp.

Vậy đó, Tác công án này, tông Tào Động lấy làm cương yếu để giáo hóa cho những ai mới phát tâm cầu học, khiến họ nhận thức rõ việc tri hữu ngay

từ bước ban đầu tu học, xét ra quá thích đáng. Một mũi kim châm trong câu đáp lời của Bách Trượng là thông điệp giác ngộ, vừa khoáng đạt, lại tinh khôi, vết tích này có thể dẫn được ta đi. “Có một người muốn”, tức là công việc nặng nhọc trong lao động hằng ngày của chúng ta, tất cả được gắn trên đầu mũi kim, ví như có đặt cái tri hữu ở xa, thì sức cảm ứng của nó, cũng sẽ khiến ta được chạm vào.

Ba công án khai thị của Bách Trượng như vừa nêu, tông Tào Động dựa hẳn

vào đây để “Vạch mặt chỉ tên”, cái bản lai diện mạo vô tướng ấy. (Những) công án được nêu tiếp theo, chủ yếu hiển bày cảnh giới chứng ngộ của trực cảm, hay nói khác hơn là cảnh giới chứng ngộ của hiện lượng, (Hiện lượng là một thuật ngữ của Duy Thức chỉ cho trạng thái trí tuệ trực cảm, không qua giai đoạn tư duy suy lượng, nghĩa là sự nắm bắt thực tại không qua lý luận, phân tích, từ Tây phương tương đương – Emotional intelligent ND), phần nhiều thể hiện chánh kiến (Tri kiến

chân thật) của trí Bát nhã diệu hoạt. Có thể nói những công án sau đây, chứa đựng khuynh hướng đa thù của huyền cơ diệu dụng, mà sức sống động của nó ví như lũ cá tung tăn trong hồ nước mùa xuân, tợ ánh trăng rằm giữa trời thu thanh tịnh. Phát xuất từ văn tự Bát nhã (Tam muội) như vậy, nó dạy cho chúng ta tùy phần hội nhập cảnh giới của tâm (mỗi người có một cách riêng để hội nhập cảnh giới của tâm).

3.4. Chớ nói bằng cổ, họng, môi, miệng

Ngưỡng Sơn, Ngũ Phong, Vân Nham đứng hầu kể (Bách Trượng). Sư hỏi Ngưỡng Sơn: “Chớ dùng cổ, họng, môi, miệng, làm sao nói?”

Sơn nói: “Thỉnh Hòa thượng nói ngay,” Sư nói: “Ta không có lời nói với người, về sau e rằng con cháu tan loạn.” Lại hỏi Ngũ Phong như vậy, Phong đáp: “Hòa thượng cũng không nên dùng những cái đó để nói.” Sư đáp: “Chỗ không người ta sẽ dập đầu lạy người.” Sư lại hỏi Vân Nham như thế, Nham đáp: “Hòa thượng cũng có

chưa?” Sư nói: “Tan loạn con cháu ta.”
Tắc công án này được Bách Trượng thể hiện, điểm trọng yếu của nó là Bách Trượng muốn kiểm chứng vấn đề căn bản duy nhất đó của học trò mình, trong việc thấu triệt nhiệm vụ tất yếu (bốn phận sự) hay không. “Chớ dùng cổ, họng, môi, miệng làm sao nói?” Câu nói ấy, nó không bắt bạn phải tư duy, hay tìm kiếm một cái gì, hãy cứ y vào sự thật mà trình bày, bạn sẽ tự có đạo lý để xuất thân, siêu việt mọi trở lực (đâu có gì không chế được ta!).

Ngưỡng Sơn (còn có tên Linh Hựu) nói: “Thỉnh ngay Hòa thượng nói”. Như vậy tức là dựa vào sự thật để trình bày rồi. Tuyết Đậu lại bày tỏ: “Liên thỉnh Hòa thượng nói”. Cọp mọc sừng đi ra vùng cỏ rậm, mười châu (thiên hạ) hết xuân, hoa tàn tạ, rừng san hô rực rỡ mặt trời”. Ngũ Phong (tên Thường Quán) nói: “Hòa thượng cũng không nên dùng những thứ đó để nói.” Nói thế cũng là dựa vào sự thật để trình bày rồi. Bài tụng của Tuyết Đậu như sau: “Hòa thượng cũng không nên

dùng những thứ đó nói, trên trận Long Xà (rắn rồng) duyệt mưu lược; khiến đời nhớ mãi Lý tướng quân, vạn dặm trời thu lặng, vút một cánh chim ưng.” Xin mời mọi người quan sát, điểm nào là chân lý, hay sự thật cho Ngưỡng Sơn, Ngũ Phong dựa vào để bày tỏ? (nếu chẳng có điểm nào tâm đắc) thì Tuyết Đậu làm gì có (những) tụng văn tuyệt diệu kia. Vân Nham nói: “Hòa thượng cũng có chưa?” Tuyết Đậu tán tụng câu nói này như sau: “Hòa thượng cũng có chưa? Sư tử lông vàng vươn

mình dậy, tùm năm tùm ba (lưỡng
những tam tam) đi lối cũ, thoáng mắt
Thiền không dưới núi Đại Hùng.” Nội
dung của tụng văn quá rõ ràng. Chỉ
một câu nói: “Tùm năm tùm ba (xúm
xít hai ba)”, cũng khiến người vượt
thoát lưới nghi. Thật ra, chỉ khi nào
thấu triệt phận sự tất yếu, thì khi ấy
mới có con đường siêu xuất, còn không
thì vẫn mãi ở trong vòng lẩn thẩn của
cái gọi là “lưỡng lưỡng tam tam-xúm
xít hai ba”, của lưới nghi chằng chịt.
Bách Trượng đối với đáp ngữ của ba

môn đệ mình, như ta biết, há chẳng phải là tấm lòng quá sâu nặng đó sao? Và lại, lời đáp của Ngài, chính là lời phê phán đã có kiểm nghiệm, ta chớ nên xem thường. Lời đáp của Bách Trượng, chính là đã vạch ra cách dựa vào sự thật cộng thông, chúng ta cũng có thể đoán được, như thế nào là việc phân lượng thần diệu nằm bên dưới của thang thuốc đã được bậc danh y kê bỏ (12). Nếu quá dứt khoát, thì không có sự thật nào có thể dựa nương, do vậy tự mình nhận lấy tội trạng. Vân

Nham do duyên xứ của Lạc Sơn mà đắc ngộ, Ngài đã tự thừa nhận rằng, suốt 20 năm nơi đạo tràng của Bách Trượng mà đèn lòng (tâm đăng) vẫn chưa tỏ rạng, Lạc Sơn lại nói với Ngài: “Tục khí vẫn còn dù 20 năm ở nơi Bách Trượng”, thời ấy Bách Trượng phê phán Ngài là “Tang loạn con cháu tôi”, Tuyết Đậu cũng châm biếm “Ngón tay bún vu vơ dưới núi Đại Tùng” trong những lời ấy có bao ý tuyệt vời, đáng làm thước đo (13).

3.5. Không (lầm) lạc không (mê)

muội

Công án Thiên chồn hoang này, là một công án rất nổi tiếng của Bách Trượng; nó rà soát một cách tinh tế cho thời kỳ tương lai. Sở dĩ nổi tiếng, là vì nó nói rất rõ bối cảnh hoàn chỉnh của nguyên lý nhân quả thuộc về trí Bát Nhã, cho những bậc đại tu hành thấu triệt mà thôi. thế nên cổ đức nói, Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả, sợ nhân quả là vì nhận thức được pháp, do vậy chớ nên tạo thêm nghiệp chướng! Qua tình huống liên quan đến công án này, ta

chẳng nên nhọc sức truy xét trên mặt văn tự, cũng chẳng cần nghiên cứu nguyên từ, tóm lại nên nói đến chi tiết trọng yếu của nó:

“Bậc đại tu hành còn lạc (rớt vào) nhân quả hay không?” Đáp sai câu hỏi này, nói rằng: “Chẳng lạc nhân quả”. Hỡi ôi! Tai họa đến, trả lời như vậy nên chính người đó bị cột buộc làm thân chồn cáo. Xin mời đại sư Bách Trượng chuyển một lời thay cho, đáp rằng: “Chẳng mê muội nhân quả”, dưới lời chuyển tâm (chuyển ý hay là chuyển

cơ cấu nội tại) ấy lại bừng vui mà đại ngộ, cởi thoát thân cáo chôn, tình tiết này chỉ có thể thôi. Đó chẳng phải là nằm mộng giữa ban ngày sao? Nhưng quả là có giấc mộng hiện bày ra đây.

Quá nhiều người biết công án này, cũng đã quá nhiều luận bàn, không cần tán vượn tán hưu nữa. Bây giờ hãy nói đến Tuệ Nam, cháu chắt của giòng Thiền Lâm Tế, trụ trì thời Tích Thúy, đặc biệt có Thiền giả pháp hiệu Đạo Viên theo hầu sư, rốt ráo theo pháp tu trì (y chỉ). Pháp bố của Nam công cực

kỳ hưng thịnh, học chúng rất đông.

Đạo Viên ngày kia đang ngủ ở yên toàn (trai đường), chợt nghe hai vị Tăng nêu lên công án chồn hoang của Bách Trượng, một người cho rằng: “Chẳng muội nhân quả, cũng chưa thoát được thân chồn”, Vị kia nói: “Chẳng lạc nhân quả, sao lại rơi vào kiếp chồn hoang”. Nghe như vậy Đạo Viên bất ngờ rúng động! Thấy mình sức tỉnh nhảy qua khe suối, nghe Nam Công nói chưa hết việc này, lệ tuôn ướt má. Nam Công giựt thị giả (chính là

Đạo Viên) đang ngủ say trên ván dậy, thị giả tỉnh ngủ, bỗng nói kệ rằng: “Chẳng lạc chẳng muội, tăng tục vốn không kỵ úy, bậc trượng phu khí định như vua, sao có thể bị giam trong bao tui? Một nhánh lang tiêu vẫy vùng ngang dọc, đoàn kim mao (sư tử vàng) chồn cáo nhảy múa cùng.” Nam Công thấy vậy, tỏ ý mừng cho.

Công án về chồn cáo đã được người xưa mộng nghe như vậy mà sáng tạo ra thi kệ, (tôi) chỉ làm công việc trích dẫn tình tiết ra đây, phần giải thích chính là

người đọc.

3.6. Chuyện kỳ đặc (không ngờ)

Hỏi: “N hư thế nào là chuyện kỳ đặc?”

Sư đáp: “Đơn độc ngồi (độc tọa) ngọn Đại Hùng.” Tăng lễ lạy, Sư liền đánh.

Tắc công án này, phơi bày cái ý đồ (mẹo) ban đầu mà ta không tiếp cận được, ngộ tuy không thể không, nhưng đã rớt vào cái mẹo thứ nhì. Còn không ngộ lại hóa thành ngu muội, trong cái vẻ lạnh lùng của Bách Trượng có thể thấy được đôi điều khí khái, có tung có đoạt, phân biệt rõ ràng trong cách trả

trừ vọng tưởng. Bách Trượng đúng là núi chúa, Bách Trượng đem tới liền dùng, đỉnh cao chót vót cùng gỗ nhịp. Sử dụng câu: “Độc tọa Đại Hùng” để đáp lại câu hỏi người “Thế nào là chuyện kỳ đặc?” Đáp câu hỏi này, đạo lý khá thông, dưới danh ngôn cơ hồ ai ai cũng rõ. Dẫn cho thế nào đi nữa, chúng ta thật sự có dịp may đi qua cảnh giới của hai chữ “độc tọa” ấy. Đã thật sự đến nơi rồi, còn nói chi là chuyện lạ kỳ nữa chứ, rớt vào cái mẹo thứ hai của Ngài thôi. Há chẳng thấy

đỉnh cao thần diệu, há chẳng thấy Đức Vân hội kiến ngay với Đồng tử Thiện Tài tại đỉnh điểm đặc thù. Được trả lời, tăng lễ lạy, vị ấy đã ngộ rồi chăng? Dám nói đang thấy Bách Trượng chăng? Sự thuận tay đánh, ha ha, đây mới là mưu lược của bậc đại nhân, đã hướng lên (hướng thượng - hướng đến chân lý) mà việc vẫn còn.

5- Quán nhập nhập lý (Lý: thể nghiệm chân lý - thâm nhập tánh nghe)

Thỉnh hết mọi người ra cày ruộng tiếp,

bỗng một vị Tăng nghe tiếng chuông ngân, vỗ đầu cười ha hả, bỏ về. Sư (Bách Trượng) nói: “Khéo thay, đây là phép Quán Âm nhập lý.” Sư về viện, bèn gọi ông Tăng ấy hỏi: “Vừa rồi ông thấy đạo lý gì mà cười vậy?” Ông tăng đáp: “Vừa rồi bụng đói, nghe chuông về ăn thôi.” Sư bèn cười. Pháp hội của Bách Trượng là một tập thể Thiên chúng bình đẳng (Thiên hòa tử), vui sống bằng cần lao, điều đó chẳng dễ dàng gì. Bất cứ ai đến đây tham cầu Phật pháp, Bách Trượng cũng cho làm

công việc cày bừa, vì đây là Phật sự, với công việc này mới rõ được, mới thấy được sự thụ dụng chân thật. Mời hết ra ruộng cày, trên dưới đồng nỗ lực, làm việc như vậy đã thành chế độ rồi. Đây chính là thủ thuật chặt lọc mà đơn giản của bậc đại nhân, và vào thời đó đây cũng chính là cuộc cách mạng vĩ đại nhất của Thiên tông đối với Phật giáo. Phương pháp này có khi đã trở thành kinh điển, được các Thiền viện áp dụng rộng rãi, nó đã mang lại tác dụng hữu hiệu nhất, trong việc khai

ngộ cho Thiên chúng, việc này xin tạm gác lại. Cứ như vị Tăng ấy “Nghe tiếng chuông, vỗ đầu cày cười ha hả, bỏ đi về”, còn ngược lại thì sao? Nếu như không có sự nuôi dưỡng gọi nhuần của Thiên đạo, nếu như không có trạng thái phiêu nhiên tự tại đặc thắng như vậy, thì làm sao mà thể hiện được tinh thần pháp hỷ trong niềm lạc quan như vậy chứ? Bách Trượng nói: “Từ xưa đến giờ, Phật chỉ là người, người chỉ là Phật”, thế nên Phật pháp được chứng nghiệm chẳng do việc của người. Việc

của người cũng được thể nhập pháp Phật.

Nguồn: Phụ bản Nghiên cứu Phật học số 03

(tiếp theo Phụ bản Nghiên cứu Phật học số 03)

3.8 Cày được nhiều ruộng lắm (nhiều đất được vỡ hoang)

“Nhân một ngày, mọi người vỡ ruộng (xới đất), Bách Trượng mời về, Trượng hỏi Hoàng Bá: “Vỡ ruộng không dễ chứ Vận Lê Ám (Hoàng Bá có tên là

Hy Vận)? Bá đáp: Tùy chúng tác vụ (chúng làm ruộng nào, mình tự tại tùy theo vụ ấy). Trượng nói: Dụng đạo phiên chăng. Bá nói: Nhọc dám từ sao. Trượng hỏi: Vỡ ruộng được đôi phần? Bá ấn cày ba cái vun đất lên, Trượng hét lớn, Bá bịt tai, liền bỏ đi.”

Tắc công án “vỡ ruộng” này nói cho chúng ta biết rất rõ, họ là người cùng nhà cả, vấn đề được thảo luận là sự quán triệt thiên hạnh trong lao động. Bách Trượng hỏi: “Vỡ ruộng được đôi phần vậy?” Hỏi thế tức là muốn xem

Hoàng Bá trong lao động thật sự có thể hội được cái chân tinh túy của thiên hạnh hay không? Hoàng Bá bèn “ấn cày ba cái vun đất lên”, nếu đáp lại là chúng tỏ mình đã mất đi dịp may, thế nên “ấn cày ba cái vun đất lên”, cho rằng còn cái sống động này thôi, tức cái cày vậy. Tuy chưa nói cụ thể ra, nhưng vẫn sâu xa hơn là dài dòng ngôn chứng. Cảnh giới thụ dụng (thể nghiệm) của Hoàng Bá, Bách Trượng đã biết rõ, ngay đó “hét” một tiếng đề ấn khả Hoàng Bá, nhưng không chỉ

thế, mà “hét” một tiếng duy nhất đó để xét kỹ xem trong cảnh giới chứng ngộ như vậy của Hoàng Bá, có thể hiện được tác dụng của giải thoát hay không? Do vậy, theo Động Sơn, cái gọi là vọng kiến, tức là trong cảnh giới chứng ngộ mà không thể hiện được diệu hạnh giải thoát, thì sẽ rớt vào đại dương độc hại. Rớt cuộc, Hoàng Bá héch mũi lên trời, trong lao động trí Bát-nhã sinh động được chứng ngộ, há người mang lấy cảnh giới vật vã này mà chẳng thể hiện được diệu tướng

giải thoát sao? Tức thì bịt tai đi ngay, đã hiểu tiếng hét rồi, bịt tai lại thần diệu thay! Bách Trọng không then là đứa con chính của giòng Mã Tổ, Hoàng Bá chẳng hổ gì môn phong của lão già lỏi này, quả là một nhà đủ phước được có cháu con lành. Chạy nhanh ! người võ ruộng hoang chỉ mang con mắt tuệ đi.

3.9. Đại hảo tiêu nhiên. (lặng thinh tốt nhất)

“Triệu Châu tham phỏng. Sư hỏi: Cách gần đây chăng? Đáp: Nam Tuyền. Sư

hỏi: Đạo này Nam Tuyền có câu nói (chỉnh cú) gì chăng? Đáp: Người chưa được ắt cần tịch mặc (lặng thính). Sư hét lên, Châu ra vẽ sợ. Sư nói: Lặng thính tốt nhất. Châu vừa múa máy vừa đi ra”

Triệu Châu tên Tùng Niệm, đệ tử đích truyền của Nam Tuyền. Huyết thống của giòng pháp Mã Tổ, với Bách Trượng là hậu học, là đồng bối với các vị như Hoàng Bá, Ngưỡng Sơn; đồng môn với Côn Trọng thì có các thầy là Trương Sa, Tử Hồ. Triệu Châu là bậc

thượng thủ tối thắng tông môn. Cảnh giới chứng ngộ của Ngài sâu thăm khôn dò, tuyệt bậc trong nội quán, đặc đại tự tại qua quá trình thể nghiệm chứng tu. Do vậy, các nơi gọi Ngài là: “Triệu Châu Cổ Phật”. Ở đây xin được giới thiệu một thiên chuyên đề, gọi là “Thiền Triệu Châu”.

Khi Triệu Châu tham kiến Bách Trượng, chính là cuộc hành trình cho những lần tham phỏng để trui rèn thiền đạo sau khi đã chứng ngộ, một tiến trình như vậy là rất cần thiết. Cổ đức

nói: “Triệu Châu tám mươi còn hành cước, chỉ vì lòng (tâm) chưa đặc lặng thình, thậm chí biến tham (tham phỏng khắp nơi) không việc khác, mới hay giày rách phí tiền thôi” Nam Tuyên nói: “Người chưa được ắt cần lặng thình”. Đây là lời chân thật. Người chưa chứng đặc phải kíp duy trì tịnh lự. Bách Trượng tức thời “hét” một tiếng, để xét xem Triệu Châu đã “tới được” chưa hay vẫn bị kẹt ở trong chỗ “lặng thình”. “Châu làm ra vẻ sợ”, cố tình tỏ rõ sự chuyển thân, khiến cho Bách

Trượng (dù đã hét lên thừa nhận) “lặng thính là tốt nhất”, lạnh lùng phê phán có cả khen chê như vậy, cả hai, Triệu Châu đều từ chối, “Múa máy mà đi ra”. Ở đây trình bày một cách ngắn gọn chuẩn tắc đã trở thành kinh điển trong việc hội kiến của hai nhà sáng tạo tầm cỡ, sự hội ngộ đó có thể thôi.

3.10. Là gì vậy?

Có khi sư giảng pháp xong, đại chúng ra về, sư bèn gọi lại, chúng quay đầu, sư hỏi: “Là gì vậy?”. Thường thì việc phá bỏ hết (pháp đã giảng) như vậy của

Bách Trượng đều vì tiếp cơ mà diệu hiện tinh hoa, đúng là đại công, không thể nghĩ bàn. Đại sư Lạc Sơn, nhân vật đồng thời với Bách Trượng luôn đặt trọng tâm vào câu nói dứt điểm sau khi hạ đường - hạ đường cú - của Bách Trượng, Ngài nghiệm ra được những điều vô cùng lý thú. Có người cho rằng thượng đường thuyết pháp ai mà chẳng lắng nghe, ai mà chẳng hiểu rõ đúng như vậy. Có thể vì sợ bạn bám lấy phân biệt, nên dưới lời ấy đòi hỏi bạn phải biết quay về tịnh lự, do vậy khi

Bách Trượng hạ đường, phóng một luồng hào quang uy vũ, chỉ thẳng mọi người rửa sạch cái tâm phân biệt mà thấy ngay chân lý. Có thể có những người không quay đầu lại với lời gọi giật ấy vì, mặt trắng mặt đen họ vốn có rồi trong tạng tâm, uế chủng, tịnh chủng vốn có rồi). Gọi giật mà đã quay đầu, đã nghe được “Là gì vậy” tợ tiếng sấm rền này[1], trong đó họ cũng được có cả hai lão hán già và tất dũng vậy. Lão già lõi tinh nhuệ, đây là của quá khứ, tất dũng là cái bây giờ được khai

tâm ở bước ban đầu (vào sơ địa), cái khai tâm bây giờ chính là chỗ cao vọt của công lao trong câu hỏi lúc hạ đường. Một câu “là gì vậy” này, là cái “bánh đen” được Mã Tổ sáng tạo để dạy chúng, khi còn hầu thầy Hải thị giả nghe quen quá rồi, bây giờ đem ra dùng nó. Hải thị giả đã đáp đền đại ân của Mã Đại sư một cách trọn vẹn rồi đấy.

Một câu nói, “Là gì vậy”, hãy nhớ cho rằng, trong tông môn rất kỵ sử dụng theo lối quen miệng (tín khẩu-miệng

tin mà lòng chưa tin) đấy! Trong câu nói không có con mắt ấy vốn là sự lắt léo thuộc về mặt trái của pháp môn trực chỉ.

Tông Cảo cho rằng, Thiền của Bách Trượng, hay Hải đại sư (như ong đốt), nếu ai thấu hiểu, ngay nơi đó lòng liền được giải khai, ngũ tạng tâm can trong một sát na nhất loạt phơi trần. Cái câu hỏi ấy, thậm chí nếu hỏi bất cứ ai, (thì năng lực câu pháp vấn) này có thể tạo nên sự thành tựu trí tuệ cho họ, nghĩa là chỉ nêu vấn đề thôi là họ có thể tự

mình lý hội. Tuy nó quá nghịch đời, nhưng khả dĩ sử dụng được.

Nói về sự khai thị cốt lõi trong cách tiếp cơ giáo hóa của Bách Trượng, thì có bao điều để luận bàn, thế nhưng xin dừng ở đây. Hành giả nào có chí nguyện, chẳng cần bám vào thời thiết nhân duyên, nếu có thể duy trì một tác công án, hay một câu thoại đầu, liền tham cứu ngay, nào có chướng ngại gì. Lâm Tế nói: “Như cá trong giòng suối, tự quẫy sóng mà bơi”. Nguyên lý là vậy, có thể nào ta dựa vào những công

án đã nêu mà đắc thành chăng? May mà chúng ta có được những thoại đầu, những công án như vậy, chúng đã cho ta một phương pháp thật sự, để nghiên cứu và thể nghiệm một cách tuyệt vời. Chợt có khi, ta xoay người chạm tay vào chìa khóa (cửa thiền), hẳn rằng đời ta trọn vẹn an vui. Bản thân được minh bạch rồi, tinh hoa của Thiền cũng vốn đủ trong ta, thì thoại đầu công án còn giá trị? Chưa thể hét một tiếng, chưa chứng đắc cảnh giới đốn viên, dám đâu khua to thùng rỗng (đừng nên vơ vẩn

khua âm).

4. Pháp ngữ tuyển yếu

Trong “Bách Trượng ngữ” đã chuyển tải pháp ngữ của đại sư bằng những chương dài, cung cấp những lời chỉ dạy cho những ai chưa tìm được lộ trình vào pháp, và cho cả những ai có pháp nhãn mà bị bệnh nhậm nên hoa đốm phát sinh, thế thì chẳng nên hỏi tại sao nó (pháp ngữ) hoàn toàn sinh động như vậy. Biết bao bộ Bát-nhã được Phật tuyên thuyết, ở đâu cũng nói một cách tổng quát những lời rằng: “Nếu

(chúng sinh nào) nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa này mà chẳng kinh chẳng sợ, phải biết rằng kẻ đó vốn gieo trồng cội đức một cách trọn vẹn, gốc thiện sâu dày”. Chúng ta đọc pháp ngữ của Bách Trượng, cũng nên thực hiện trạng thái quán như vậy. Ở đây, chỉ cần thận tuyển chọn năm tiểu đoạn pháp ngữ trong tác phẩm Quảng Lục của Ngài, giúp chúng ta dễ dàng đi vào nội dung của chúng một cách trực tiếp, và cũng dễ dàng niệm tụng lâu thông, chuẩn bị cho một quan điểm về cách “kiến địa”

trong Thiền tông, và chúng, những pháp ngữ này, quả là thắng duyên, là chất liệu làm tăng trưởng niềm vui đưa đến trạng thái đốn ngộ. Dựa vào tiêu đề đầu của mỗi tiểu đoạn, sẽ là ý kiến của cá nhân cho kết đoạn, phần ý kiến này chính là làm rõ một cách khái quát những chi tiết trọng yếu trong đó, tất nhiên rất cần sự trợ lực tùy hỷ (của độc giả).

4.1. Linh quang độc diệu (ánh màu đơn độc chiếu soi)

Thăng đường giảng pháp rằng: “Linh

quang độc chiếu, (ánh sáng của nó) phản hồi tự tại và không bị trở lực của thức căn và đối tượng của thức căn. Tự thể của nó có thể thấy được (hành tướng của nó) là thường tại chân thật, mọi lý giải trên mặt văn tự đều là câu chấp (không có một thực tại tối hậu nào nằm bên dưới của văn tự ngữ ngôn). Tâm tính vô nhiễm, vốn tự viên thành. Mọi đối tượng tác khởi mê vọng chỉ cần vĩnh viễn từ bỏ, tức là Phật như như.”[2]

Tám câu trên, không nên quan niệm

một cách tùy tiện, chúng chính là sự dung hội tinh hoa giữa tư tưởng Bát-nhã và kinh Niết-bàn, mà bao trăm năm về sau đã được Bách Trượng tác thành, khai triển. Điểm này, chính là diệu pháp trực chỉ được truyền thừa từ Đạt-ma cho đến lục tổ Huệ Năng và những thế hệ tiếp đó trong một hệ thống hoàn chỉnh khép (gia truyền); cũng như ta muốn biết (tiềm năng) của đất như thế nào, thì phải mau xem sự phát triển của mạ non. Những gì là ẩn mật trong tạng Bát-nhã, chúng được

thể hiện qua bộ Niết-bàn, những gì được Niết-bàn (Kinh) thuyết giảng, chính chúng được cất giấu trong kinh Bát-nhã. Dẫu cho thuyết Kinh có trước có sau, thể nhưng hiện chứng là một vậy. Không tánh Bát-nhã, Phật tánh (của) Niết-bàn, há phân hai được sao? Bách Trượng là bậc đạt đến chỗ chí cực của Tam tuệ học (giới, định, tuệ), cộng với cảnh giới chứng ngộ siêu việt của Ngài, do đó ta đã được Ngài dạy như vậy. Ngay tám câu này thôi, có thể gọi là tổng cương tinh hoa Thiên của

Bách Trượng.

4.2. Như hà đặc tâm như mộc thạch (như thế nào được tâm như gỗ đá)

“Hỏi: Đối với mọi hiện tượng làm sao tâm được như gỗ đá đây? Sư nói: nhất thiết chư pháp, vốn chẳng tự (nói) không, chẳng tự (nói) sắc (có), cũng chẳng nói sạch dơ, cũng không có tâm (ý) trói buộc chúng ta. Chỉ do chúng ta đặt điều phân biệt bám luyến, làm ra biết bao thứ lý giải, phát sinh bao loại tri kiến (quan điểm theo cá nhân bằng cấu trúc ngôn ngữ phân biệt), khởi ra

bao loại ái dục, sợ hãi. Thế nhưng mọi hiện tượng đã chẳng tự sinh, tất cả đều do một niệm hư vọng điên đảo của chúng ta bám chấp thành hình tướng mà có tác dụng như vậy. (Hãy) biết tâm và cảnh vốn chẳng thể tương đắc (cả hai không thể thủ đắc), ngay nơi đó liền giải thoát. Bất cứ pháp nào, ngay đây tịch diệt (chẳng phải là đoạn diệt), đạo tràng (Bồ đề) ngay đây (mọi ý nghĩa có chứng cứ được thiết lập bằng bất cứ quan điểm nào đều không thể)... Nếu tâm dứt sạch (những khái niệm về

sạch, dơ), nếu không tự trói mình bằng những thói quen, nếu không tự mình bám luyến vào những khái niệm giải thoát đã trở thành bản chất, (Bất trụ giải thoát - Trụ là kiên cố không dời đổi, ở đây có nghĩa là tạo nên những ảo tưởng về giải thoát, và ảo tưởng ấy đã trở thành bản chất kiên cố của mình. Trụ là bám trụ. ND), mọi pháp hữu vi và vô vi không thể cột trói được tâm lượng của giải thoát, thì ở trong sinh tử mà tâm tự tại, rốt ráo không bị sáu thức căn, những chủng loại của uẩn và các

đối tượng hư dối của sáu thức và uẩn làm cho tan lãn, tự nhiên thể hội, tuyệt đối vô sở y. Tất cả không câu chấp, đến, ở không ngại. Qua, lại sanh tử giống như cửa mở.

Người học đạo, nếu gặp những trạng thái khổ vui, đúng ý (vừa ý) hoặc không vừa ý, mà tâm không thoái thất, chẳng màng danh, sự nổi tiếng hay lợi dưỡng, không tham đắm việc ích lợi của công đức, không bị các pháp thế gian làm cho trở ngại, không thân, không oán, không khổ vui, cả những

nhớ nghĩ hoặc an nhàn; chỉ áo thô che lạnh, đạm bạc qua ngày, có phần tro tro như ngu như điếc vậy. Nếu như chứa nhóm trí giải, sự học rộng, nói chung cầu phước cầu hiểu biết đều là sanh tử, những việc ấy so với chánh lý có ích gì đâu, liền bị sự hào nhoáng của trí giải làm cho phiêu bạt đắm chìm, rớt lại vào trong biển cả tử sinh. Phật là đáng vô cầu, còn mong cầu tức là còn móng tâm cây nương (dựa dẫm); vi, lý là lý vô cầu, do vậy cầu là tán thất; còn như bám chấp (ý tưởng) vô

cầu, thì đồng với hữu cầu (tức là có đối tượng để mong đạt được); nếu chấp trước vô vi, thì giống như hữu vi thôi. Thế nên Kinh nói: “Không giữ lấy pháp, không bám chấp phi pháp, cũng chẳng bám giữ phi phi pháp.” Kinh lại nói: “(Cái) pháp được Như Lai chứng ngộ, cái pháp ấy vô thực, vô hư”. Nếu một đời tâm như gỗ đá- nói tâm như gỗ đá, là nói chỉ có tâm này (tâm lượng-citta-matra N.D) không sai khác mấy với phép Bích quán của tổ Đạt-ma, nếu không có giác trí hay nhận thức, thì có

khác gì gỗ đá đâu-không bị năm trạng huống dục vọng của năm chủng loại uẩn làm gió chìm nổi lênh dên[3], liền dứt lìa yếu tố tử sinh. Ta có thể đi, ở tự do... lợi lạc cho số đông. Lấy tâm vô trước ứng với mọi đối tượng, mọi hoàn cảnh, lấy trí tuệ vô ngại tháo bỏ lưới chướng duyên buộc ràng? Đây, cũng có thể nói là tùy bệnh mà cấp thuốc vậy.”

Đoạn pháp ngữ này, chính là không quán (Trung Quán Luận của Bồ-tát Long Thọ) hay nói đúng hơn là các

pháp duyên sinh, được Bách Trượng minh giải bằng quan niệm trực chỉ (kiến địa) của Thiền tông, ở đây Bách Trượng nói đến ý nghĩa toàn diện, đưa đến trạng thái tự chứng của Bát-nhã, thật không khác gì đại sư Long Thọ thuyết Bát-nhã tánh không. Liên quan đến diệu cảnh Bát-nhã của “không trụ trói buộc, không trụ giải thoát” xin mời các bạn xem tiết dẫn kệ tán của “Đại Trí Độ luận tán Bát-nhã kệ”, nhân đó ta có thể hiểu ra một cái gì đó thật bất ngờ. Kệ nói: “Nếu người đắc Bát-nhã,

thì đây là bậc Đại đạo sư. Trụ trong Bát-nhã còn không chấp trước, huống chi ở pháp nào? Hay nói khác hơn, chính pháp còn xả bỏ huống hồ phi pháp. Bát-nhã là Như Lai, là trụ xứ của tất cả bậc trí, chưa từng ai cầu được bao giờ? Nếu không chứng đắc (kiến) Bát-nhã, hẳn là bị trói buộc, nếu ta (cho là) chứng đắc Bát-nhã, thì vẫn gọi là bị cột buộc, nếu không (chấp vào chỗ) chứng được Bát-nhã, là đắc giải thoát. Việc này rất hiếm, Bát-nhã, nó được mệnh danh một cách vĩ đại như

vậy, chính là sự tồn tại quá uyên thâm của nó.

Mặc dầu ý nghĩa kệ tán tuy có vẻ lộ rõ đây, thế nhưng nghĩa lý của nó thật quá thâm u. Nếu muốn biết ý nghĩa thật của mỗi câu mỗi chữ trong kệ tán rớt đúng vào chỗ nào, thì phải qua một lần thực hành công phu của pháp đốn ngộ cái đã.

4.3. Như Hà Đắc Tự Do Phần[4]

“Hỏi: Như thế nào là được tự do? Sư đáp: Chẳng hạn ngay bây giờ được là được (được là được ngay bây giờ thôi).

Hoặc là không có thái độ giữ, bỏ đối với ngũ dục (năm cái dục) tình luyện của Bát phong, không có thái độ thủ, xả đối với keo kiệt, ghen tỵ, tham lam, yêu thương; tóm lại tục tình của ta được tận trừ, sạch dơ đều mất. Như nhật nguyệt, tỏa chiếu vô tư không điều kiện; mỗi sát na tâm là gỗ đá, nhớ nghĩ thường xuyên (niệm niệm) như cứu lửa cháy đầu. Cũng ví như hương tượng (loài voi chúa) qua sông, chận đứng giòng chảy mà vượt, hoàn toàn không trở ngại. Đối với nhân vật này,

thiên đường hay địa ngục đều không thể nhiếp thủ họ được, thế nên đọc Kinh, tham cứu giáo điển, những gì được kinh điển dạy, ta phải vận dụng một cách khéo léo cho chính bản thân mình (rất kỵ đem lòng kính trọng Phật pháp mà đánh giá Thánh hiền). Thế nhưng trong tính phổ quát của (nhất thiết ngôn giáo) chỉ có thể rõ khi mà ngay bây giờ tự tánh được thấu hiểu tỏ bóng trong gương. Không bị hữu, vô, cắt lìa, an nhiên với mọi đối tượng (không bị cảnh chuyển lưu), như vậy

người chính là bậc đại sư. Có thể chiếu phá các đối tượng có không của tất cả, đây chính là trí tuệ Kim cương vậy. Liền có tự do phần.”

Đoạn pháp ngữ vừa nêu, tuyên giảng đúng như thật, pháp đốn ngộ Thiền. Như vậy ta có thể thấy pháp quán hành của Thiền tông không cộng thông với pháp quán hành của các tông phái khác, tức là đốn ngộ ngay tại đây “chẳng hạn, đặc là đặc ngay bây giờ”. Ai đó thừa nhận pháp tiệm tu, nghĩa là trên chẳng cần đốn ngộ, dưới không

xem dù một công án nào, một câu thoại đầu cũng không tham duyệt, sẽ không bao giờ có được niềm hưng phấn sự đột biến toàn diện cơ cấu của thức và thân - tức là đốn ngộ? - Những ai như vậy đừng vào môn này, để tránh khỏi các sai lầm đáng tiếc.

4.4. Vô thủy đến giờ chẳng là cái vật (từ vô thủy không có nguyên lý sáng tạo đệ nhất)

“Vô thủy đến giờ chẳng là cái vật. Chẳng ứng dụng cái uyên bác vĩ đại mà giải cái uyên bác vĩ đại. Không

dùng, dầu là cái uyên bác phi uyên bác, thể nhưng phán đoán câu hai đầu, mở xẻ ra (xem) có (cái vật) hay không có (cái vật), cả hai đầu không tìm thấy dấu vết, dù nắm cả hai đầu bạn cũng không đạt, được tổng lượng số là bao. Chẳng voi, chẳng đầy, không phạm không thánh, không sáng chẳng tối, không ngu, không trí, không cột, không mở (giải thoát), cũng không là định hình bằng một loại danh xưng nào cả. Sao cho rằng đây không phải là lời chân thật nhỉ? Nếu vậy thì khắc gọt hư

không làm thành khuôn mặt Phật sao? Nếu vậy thì cho rằng hư không tạo được sắc xanh, vàng, đỏ, trắng sao? Chẳng hạn nói: Pháp không có sự so sánh, không thể thí dụ, sự vô vi của pháp thân không rớt trong các giáo pháp (các giáo thuyết không làm lay động pháp thân vô vi)”, do vậy nói rằng: Thánh (pháp thân) dứt bật (hư tức) vô danh (sự tịch mặc của pháp thân là không danh tướng - Thánh hư vô danh)”, lý như thật không thể nghĩ bàn. Không môn khó nắm, ví như loài

trùng Thái mặt hiện hữu bất cứ nơi đâu, chỉ có lửa rực (hỏa diệm - địa ngục, trạng thái vô minh) không phải là duyên của nó, tâm chúng sinh cũng như vậy, đâu đâu cũng có thể là đối tượng, cũng có thể là duyên, thế nhưng chẳng thể duyên cùng Bát-nhã tối thượng”.

Đoạn pháp ngữ này, ta không thể nào đo lường được mức độ rộng sâu của nó, nó mô tả toàn diện tính chất tuyệt bật của cảnh giới giác ngộ, quả thật ở đây kinh Niết-bàn và Đại Bát-nhã đã

được dung hội rồi. Niết-bàn, vốn phát sinh từ Bát-nhã, rốt lại Bát-nhã là nơi quay về của nó; cái vốn thân quý của Bát-nhã là đốn ngộ, Ngộ tức có thể làm Phật sự của Niết-bàn, phát triển không điên đảo cũng chính là nó, tuyệt đối là nó vậy. Chánh Pháp Nhãn Tạng tức ở chỗ này đây. Ngay cả tổ sư môn cũng không nêu ra ví dụ, chỉ nói cái “Vô thủy đến giờ không là cái vật”, bao nhiêu đó cũng đủ rồi. Có người hỏi rằng: “Cứu cánh của Thiền tông là gì? Đường đi nẻo tới khó tìm thế sao? Hỏi

đường hỏi ngộ, trong đó không phải gọi là không môn sao? “Vô môn là pháp môn” (kinh Lăng-già), vì vô môn nên nói là không môn. Trong ba môn giải thoát, không môn đứng đầu; mười tám không, hai mươi hai không, đều gọi là không môn. Môn đình cho dù là to lớn thênh thang, chớ có lấy cái trống không mà than rằng sao môn lộ khó tìm quá vậy? Buông hết mưu lự, cứ đọc nhiều lần kinh Bát-nhã, chỗ mà Phật thuyết về không, đọc nhuần rồi, hãy ném bỏ việc đã đọc ấy, mặc dầu đã

qua rồi nhưng duyên kia không mất, hầu như còn điều chi âm ức trong lòng ngực, lúc đó mới biết đốn ngộ rất là thiết yếu, là rất cần kíp, (cho dầu không có cửa vào), thế nhưng đốn ngộ tức là “đắc” nhập môn. Có thể không có (cơ hội) xem kinh Bát-nhã, mà muốn nhanh chóng hiểu được ý thú đốn ngộ, muốn hiểu niềm hưng phấn của đốn ngộ một cách trọn vẹn, thì nên xem ngay một thoại đầu công án nào đó, hẩn là đủ sức nhập môn, không thể nói trở ngại là việc khó.

4.5. Biện chủ khách ngữ (thật luận về chủ khách)

“Phải phân biện rõ về phạm trù chủ khách. Tức là mọi thứ tham dự thuộc về môi trường của có và không, bị mọi cảnh giới có không làm cho mê cảm hỗn loạn, do vậy tự tâm là ma vương, tác dụng của quán chiếu là thần dân của ma. Ví như nay, tự biết nội quán[\[5\]](#), vì không trụ trong các pháp hữu vô, không trụ trong các pháp thế gian và xuất thế gian, không dựa vào hệ thống tư duy thể hiện bằng ngôn

ngữ mà truy tìm thực tại tối hậu và, cũng không dựa trên nền tảng và kiến giải (mà cho đó là chân lý cứu cánh). Tự tâm là Phật, cái dụng của quán chiếu này thuộc về Bồ-tát. Tâm tâm (bất cứ tâm niệm nào) đều là chủ thể, cái dụng của quán chiếu này thuộc về đối tượng hay khách trần. Như sóng tức là nước, vì lấy vô công chiếu vạn tượng. Nếu có thể tịch chiếu mà không (dựa vào bất cứ) yếu chỉ thần diệu nào, tự nhiên xưa nay sâu suốt hết. Chẳng hạn nói: ‘Thần (minh) không dụng công để chiếu, mà

sự tồn tại của công ấy luôn viên mãn’, vậy là có thể làm đạo sư của cả trời người.”

Đoạn pháp ngữ trên, hiếm yếu tinh thâm cực kỳ, trình bày công hạnh đồn ngộ một cách toàn triệt, rất dứt khoát rạch ròi, trước biện ma cảnh (những đối tượng gây chướng ngại), kẻ tham học phải từ bỏ hẳn, văn từ tuy giản đơn nhưng lượng số nghĩa lý mà nó cất giấu lại vô cùng phong phú, cả hai pháp thế gian và xuất thế gian đều hiện hữu trong đây. Khi nói đến công hạnh

đốn ngộ, tức là nói đến cái trân quý mà bản thân của trạng thái nội quán tỏ chiếu một cách độc lập, không dựa nương vào bất cứ hiện tượng hay căn bản nào. Đây là tinh hoa Thiền đạo đã thành hệ thống duy nhất của Mã Tổ và Bách Trượng, từ trong đây, Bát-nhã và ý của chư tổ sư đã hoàn toàn sinh động. Sau này tông Lâm Tế chuyên bức ép hành giả dụng công trên niệm đầu, khiến cho lộ diện dưới sự nắm bắt trực tiếp pháp tu nội quán của hành giả, sự thể hiện từ trạng thái như vậy

có thể lấp liếm dối lừa được sao? Đã là tự thể chân thật, hẳn nhiên từ ngày xưa đến giờ nó thanh tịnh, không tạp loạn, cái diệu tâm nguyên sơ như vậy có thể là ma sự được sao? Tóm lại đốn ngộ là một yêu cầu bức thiết, đốn ngộ phải ở trong một niệm mới san bằng tuyệt đối hang ổ của ma giới. Như vậy, bỗng nhiên cái năng lực biện giải bẩm sinh này hội nhập nhất như với cảnh giới tịch chiếu vô công dụng hạnh. Cái gọi là “như sóng với nước, lấy vô công chiếu vạn tượng”, tức là nói đến trạng

thái đó. Bách Trượng từng thuyết: “Nhất quyết làm thầy của tâm, chớ không do tâm ‘làm thầy’” là vậy, thầy do tâm là ma, làm thầy của tâm là ngộ. Phương tiện nào để người mới bắt đầu học đạo, đem cái gì làm thầy của tâm (phương tiện hàng phục tâm của họ)? Nếu không bức ép niệm đầu, thì làm sao mà họ có thể sở hữu trọn vẹn cái tro lạnh của năng lực biện giải bảm sinh như vậy được. Bức ép niệm đầu là khiến họ thể hiện nó (năng lực bảm sinh) ra trực tiếp ngay đây, đón ngộ

không tính của các pháp, tháo bỏ pháp trói buộc của tất cả một cách triệt để, tự nhiên làm bậc thầy toàn vũ trụ vậy (không bị tất cả pháp trói buộc, có thể làm thầy của bất cứ nơi đâu). Các tông phái trong Thiền môn, chỉ có tông Lâm Tế mới luôn bức ép niệm đầu của hành giả một cách khẩn trương như vậy, nhằm dứt khoát cầu phương tiện dẫn đến đốn ngộ qua năng lực bả²m sinh ấy, (giám giáo) thật vậy, đây là pháp môn phương tiện nội hàm yếu tố tối thắng, sừng sững suốt thiên thu (quả thật pháp

môn ấy hiện hữu với tính cách vĩ đại suốt thiên thu không biến thái). Thậm chí, như tông Tào Động, có thể gọi là tông phái của thành tựu, thế nhưng hoàn toàn theo khuynh hướng nhận thức Thiền pháp, nghĩa là qua đốn ngộ mà biết sự hiện hữu của năng lực bản sinh, do vậy theo tông Tào Động khi ngộ được tông chỉ rồi, mới biết lộ trình của năng lực ấy, và như vậy mới có thể duy trì sự thụ dụng mà thôi, đốn ngộ là tất yếu, là cái phải được thành tựu, cho dầu đốn ngộ đôi khi không (cần phải)

thúc ép niệm đầu qua phương tiện năng lực bả²m sinh, quan niệm như vậy không thể không xét lại. Cuối dòng của tông Tào Động, bỗng nhiên nhận biết công phu tối yếu trong việc thúc ép niệm đầu, cái năng lực biện giải bả²m sinh ấy luôn hiện hữu trong thiên mặc chiếu, thế nên được Tông Cảo (tông đồ đắc quả của tổ Lâm Tế) thường xuyên ứng dụng, việc làm của Tông Cảo đúng là có nguyên nhân.

Năm tiểu đoạn vừa trích ra trong tác phẩm “Quảng Lục” của Bách Trượng,

chúng hầu như được sắp xếp theo một trình tự hết sức tự nhiên: đầu tiên là giới thiệu tổng cương, kế đến là trình bày rõ ràng nhận thức “không quán”, ba là trạng thái đốn ngộ được thuyết như thật, bốn là phơi bày cảnh giới chứng ngộ một cách trọn vẹn và, năm là hiển lộ công hạnh của đốn ngộ (thể hiện tác dụng của đốn ngộ). Mặc dầu lý được trình bày xuyên thấu tận độ sâu nhất, nhưng phương pháp thực hành đi theo một hướng rất giản đơn, tổng số chữ của năm pháp ngữ chưa

quá một ngàn từ. Nhưng mà, “Tinh hoa thiên” (thiên yếu) của Bách Trượng chính là chỗ này vậy, tinh túy là đây, thế nhưng trên mặt văn tự, nó chỉ làm nhiệm vụ chuyển tải như là phương tiện (Định sát: thủ thuật của nhà Thiền nhằm loại trừ cái cần loại trừ, do vậy định sát có thể dịch là phương tiện, N.D), thậm chí thoai đầu công án chúng ta cũng có thể đặt chung với năm pháp ngữ này trong cái năng lực sinh tác dụng của cả hai. Do vậy, chúng ta được quyền đem ý nghĩa của

năm tiểu đoạn này, dùng làm thấu kính để phản soi công án, dùng làm động lực để tham thoại đầu, ngay khi ấy, chẳng những ta được dẫn đến một cái gì đó, mà còn có thể hiểu được tinh hoa Thiền của Bách Trượng là “sự vật” chi.

5. Lược thuyết về đệ tử nối dòng pháp của Bách Trượng

Sau khi Mã Tổ nhập diệt, Bách Trượng thừa trụ và phát triển chánh pháp. Pháp hội của dòng Thiền này một thời phong thịnh tuyệt bậc. Đệ tử qua ấn

khả của thầy, có khả năng nối dòng pháp ấy, phải kể đến hai bậc thầy đứng đầu, đó là Hoàng Bá và Quy Sơn. Khuê Châu, Lâm Tế, được Hoàng Bá đào tạo, sáng lập tông Lâm Tế; Quy Sơn sinh ra Ngưỡng Sơn, Hương Nghiêm, hai vị này lập ra tông Quy Ngưỡng. Hai tông này sẽ có chương chuyên đề về họ. Trong bản văn này, không đề cập đến. Ngoài Hoàng Bá và Quy Sơn ra, dưới Bách Trượng còn có các thầy là Trường Khánh, Cổ Linh, Bình Điền, những vị này đều được vào

sâu Thiền đạo của Bách Trượng, và họ cũng là những bậc đại sư trong chốn Thiền môn vào thời ấy. Nay chỉ lược thuật phong cách Thiền pháp của ba bậc thầy sau đây, để ta quán sát mối liên hệ gốc trong việc đào tạo tăng tài của Bách Trượng. Với những đệ tử còn lại, sẽ theo đó khái quát trình bày.

5.1. Thiền sư Đại An Trường Khánh ở Phước Châu

“(Đại An) hội kiến Bách Trượng, đánh lễ và hỏi rằng: Người học đạo muốn cầu biết Phật, đích thị người nào?”

Trượng nói: Lớn tợ cỡi trâu tìm trâu.
Sư hỏi: Sau đó biết được gì? Trượng
nói: Như người cỡi trâu về tới nhà. Sư
hỏi: Chưa xét trước sau nhận lãnh thế
nào? Trượng đáp: Như người chăn trâu
cầm gậy xem chừng, chớ để dẫm mạ
người ta. Sư được dạy như vậy, chẳng
nài nỉ cầu thêm.”

“Thoại đầu chăn trâu”, được ghi chép
khá nhiều trong ngữ lục của các nhà
Thiền, có thể thấy nó đã một thời lưu
hành rộng rãi, hoặc có người vẽ thành
 tranh để tụng niệm, thậm chí có người

mài đá khắc lên.

Xét đến tính cách truyền thừa của thoại đầu chăn trâu này, có thể phát xuất từ pháp hội của Mã Tổ, Bách Trượng, hoặc là đã có nêu ra một lần rồi. Nam Tuyền khi thượng đường có nói: “Lão sư họ Dương (tự Nam Tuyền)? từ nhỏ nuôi một con trâu nước đực”. “Con trâu” này có cả trong pháp ngữ khi sư nhập diệt, “Dưới núi làm trâu nước đực”. Ngưỡng Sơn cũng có thoại đầu: “Sư chỉ trâu đực nước nói, hãy nói mau mau đi” cùng với pháp ngữ thượng

đường trước khi Ngài thị tịch: “Một trăm năm sau lão tăng làm trâu nước đực dưới núi”. Hai sư đã nói như vậy cho người, tức nhiên chính là ở chỗ đề xướng. Thế nhưng có một điểm cần phải chú ý, cả hai sư đều nhắm đến “Làm con trâu nước đực dưới núi”, nói thế tức là có thâm ý riêng, Thiền đạo của hai Ngài được nói ra khi ấy lại phải làm công việc giải phẫu ra, chỗ này không cần đề cập. Hãy đem thoại đầu “đánh xe đánh trâu” được Nam Nhạc nói ra rất sớm, để so với thoại đầu chẵn

trâu trên, mặc dầu “đánh xe đánh trâu” của Nam Nhạc không nhắc đến chuyện chăn trâu, thế nhưng, cả hai đều có mối tương quan cực kỳ sâu đậm. Ta có thể thấy trong đó phản ánh một vấn đề: nghĩa là vào thời ấy “Mã Tổ tạo tông lâm, Bách Trượng lập thanh quy”, do vậy mà cật lực đề xướng cần lao, lấy nông nghiệp làm kế sinh nhai, từ đó đã sáng tạo được một hệ thống Thiền đạo duy nhất. Như vậy, Thiền và đồ chúng mỗi ngày vận hành năng động dưới đồng sâu. Thử hỏi như vậy, làm sao mà

chẳng phát sinh “Thoại đầu chấn trâu” này cho được đề mà giáo dục, trường dưỡng cho đồ chúng. Điều ấy chẳng chi là kỳ lạ, ngược lại rất là bình thường, mà lại thành nên việc tốt, sản phẩm cũng chất lượng lắm rồi, từ thực tế Thiên hạnh cũng được rút ra, thật là nhất cử lưỡng tiện vậy.

Trường Khánh tên Đại An, người Phước Châu, trong pháp hội của Bách Trượng, xem ra đã thành là một người nông dân tay lấm chân bùn chơn chất, vì vậy Ngài hiểu rõ được thoại đầu

Thiền sư chuyên vụ mùa này của Bách Trượng. Hành giả đi đến nơi đâu cũng đều hỏi đạo, hẳn nhiên là mong cầu làm sao một đời đắc thành Phật quả. Bách Trượng luôn trong bốn phận (bốn phận sự - tự tánh) ruộng nương, mùa vụ, trả lời ba câu hỏi của Ngài, Đại An đúng là lão lõi già thật sự có bản sắc. Trường Khánh hoàn toàn lãnh hội chỗ đáp án của lão Thiền sư, được ngưng hẳn (tịnh hóa) cái tâm cầu lăng xăng tự khởi vượn ấy, đây (cái thủ thuật đó) cũng là lão già thật sự có bản sắc, từ

đây Ngài là người nhất tâm chấn trâu, người và trâu vĩnh viễn thành một khối, đúng là thụ dụng không cùng. Tham Thiên giống chấn trâu, khéo làm sao với thí dụ này, các bậc thầy của tông môn, ví công phu như roi vọt, cái trăn quý là có thể kết hợp cùng thực tế, do đó mà khởi sinh tác dụng. Ta lại xem Trường Khánh khai thị và công hạnh tiền bộ của Ngài: “A sư mới đến Quy sơn, có cả Hựu thiên sư đồng tham vấn, Hựu sư dắt trâu cày (hãy nhớ cho rằng dẫn trâu theo từng lối

cày, là công việc thực tiễn quan trọng của nhà nông, như vậy phải chăn trâu thật tốt, nếu không thể, làm gì được tư cách dẫn trâu). Hựu sư Niết-bàn rồi (A sư rất hiếm bạn bè) đại chúng thỉnh làm pháp chủ (chẳng ngoa đâu, A sư là bậc tác kệ thượng thủ của pháp tòa Quy Sơn).”

Đăng tòa (hãy lắng nghe pháp âm sấm sét của A sư): Tóm lại, các người đến đây để tìm kiếm cái gì ? Nếu muốn làm Phật, mỗi người các người là Phật rồi. Gánh Phật một bên vai mà chạy, tợ

như trời hạn khô, nai đi tìm nước, biết đến bao giờ được tương ưng đây. Người muốn làm Phật, chỉ khi nào sạch tận cái tâm phàm phu với biết bao điên đảo, bị các điều kiện bu bám và những vọng tưởng dục nhiễm mê lầm, (khi ấy) các người sẽ là Phật của sơ tâm chánh giác. Vậy thì còn đến chỗ nào riêng hỏi nữa? Thế nên, mười ba năm ở tại Quy Sơn này, ăn cơm của Quy Sơn, tiểu tiện của Quy Sơn, chớ hề học Thiền của Quy Sơn, chỉ trông nom một con trâu nước đực (không

quên sự phân phó của Bách Trượng, quả là đứa con của dòng chiến thắng - chân nãi khắc gia chi tự. ND). Nếu cỏ rậm lạc đường, xách mũi lôi về lại, vừa liếm láp mạ non của người, bèn sử dụng roi (khai thị phương pháp dụng công, tức là chặn trâu ngay tại niệm đầu một cách tận tình). Điều phục đã lâu, tiếc thay vì nhận lời người mà có chuyện này, chẳng hạn, hôm nay biến thành trâu trắng một cách rõ ràng, luôn sờ sờ trước mặt (thường tại diện tiền), cả ngày quanh quẩn, đuổi cũng không

đi. Mỗi người, các người đều có cái vật quý vĩ đại vô giá này, từ nhãn luôn phóng chiếu thấy suốt sơn hà đại địa, từ tai (nhĩ môn) luôn phóng quang lãnh hội âm thanh của tất cả trạng thái, sáu căn như vậy ngày đêm luôn phóng ánh quang minh, (nó) cũng có tên là phóng quang Tam-muội, tại người không biết giữ lấy thôi, bóng (của nó) trong thân tứ đại, hộ trì trong ngoài không cho phép ngã nghiêng siêu vẹo, như người vác nặng bước qua cầu độc mộc, chẳng dám để trượt chân. Cứ cho là lãnh giữ

một cái vật gì đi, như thế càng hay (càng được như vậy). Có thể thấy không còn đường tơ kẻ tóc nào nữa chứ ? Há chẳng biết Hòa thượng Chí Công nói rằng: “Trong ngoài: tìm mãi toàn không, cả vũ trụ được làm trên cảnh trí. Xin trân trọng” Đoạn pháp ngữ thượng đường này xem bình thường như vậy đó, thực ra thì quá xuyên sâu, có thể nói chỗ dụng công cũng khản thiết cực kỳ.

Ở đây lại nói đến công án “như dây sấn bu cây”, rất nổi tiếng của Ngài.

“Trong thất, sư hỏi mỗi một ông tăng: Câu có câu không, như dây sắn bu cây, ý con như thế nào?”

Đây là tắc công án gạn hỏi khi nhập thất, hỏi như vậy chính là trí tuệ lộ toàn thân, trong quá trình thực hiện chần trâu của Ngài. Hỏi như vậy cũng là trắc nghiệm thanh kiểm công phu của người học đã mài bén như thế nào, dưới nhát gươm vung ngay ra này, tất có một phen giao tranh một mất một còn, cái câu hỏi ấy, vào thời đó đã trở thành tiêu chuẩn tối cao, cho bất cứ

Thiền chúng tham học nào cần chuyển thân xúc chạm, và công án này cũng là công án nổi danh đáng được ngưỡng vọng nhất của Trường Khánh, ngữ khí của nó xem ra bình thường như thế nào đó, nó giống như cùng bạn bàn bạc đối trao vậy - “Câu có câu không như đây sẵn bu cây, ý con thế nào?”

Huyền Cơ diệu dụng được Mã Tổ, Bách Trượng hiển lộ uy thần, kiến ai cũng kinh tâm rúng động, còn lão già chẵn trâu này, phương tiện ẩn tàng chẳng lộ, có để tâm tham cứu cần

trọng, mới thấy “Có thích khách trong vũng bùn” của công án đó, mọi người hạ chân không đụng đáy, thăm dò một lần khó đoán thực hư, tông ta cũng cho phép đẩy, lui gót thì thôi, biết đường cứ đến, cái đó gọi là “tạm nghi ngôn cú”, Phật Quả nói như vậy cũng tốt: “Chẳng nghi ngôn cú thì thành bệnh nặng”.

Có lão già lanh lợi kiểu cách nói thế này, cái này có gì khó vậy? Với thoại đầu “Câu có câu không như dây sắn bu cây”, chỉ cần hỏi ngược lại rằng: “Câu

nói cây ngã sẵn khô về đâu nhỉ ?” Chắc hẳn là khiến ông ấy ngậm bồ hòn làm ngọt thôi, (miệng ngậm lưỡi đờ thua cuộc).Ồ! Nếu là vậy, khá hiểm đấy, nhất định lòi ở vũng bùn ra (tên thích khách) miệng còn lải nhải, còn sống cũng khó cứu được.Trường Khánh buông một tác có vằn này, chẳng những để kiểm chứng ta, mà còn dạy ta tự kiểm điểm mình, nhưng ông nào biết đâu ta lộn nhào đầu té xuống ao bùn. Pháp ngữ “Câu có câu không như đây sẵn bu cây”, nhằm kích động ta,

buộc ta chắc dứt câu nói hai đầu, tháo thân triển phược được đường giải thoát, khởi hản kiếp sống dây leo, “cây ngã sản khô về đâu nhĩ ?” Câu nói mê sáng này sao ví được với lời pháp ấy?

Trong thất, Trường Khánh ra một câu hỏi, hản có bao học tăng lúc đó đăng cay vì nó, nó tồn tại mãi đến khi Quy Sơn đại nhân gặp Trường Khánh trả lời. Một vài người mắt vốn đã mờ mà bị câu “cây ngã sản khô về đâu nhĩ ?” của người sáng mắt dẫn ra đáp lại, chỉ thấy Trường Khánh lớn tiếng cười ha

hả, chẳng nói trở gót vào phòng. (Trường Khánh ở trong thất nêu ra câu hỏi, và đáp lại bằng tiếng cười ha hả, khi ai đó trích câu “Cây ngã sản khô về đâu nhỉ?” để phản biện, Quy Sơn đại nhân thấy Trường Khánh đáp như vậy, ấn chứng lời này). Những thiện chúng mắt nhắm này không nhìn nổi, đến đâu cũng hỏi thiện tri thức, biết đâu gặp bậc khéo hiểu biết chỉ mình rõ được ý kia của (Trường Khánh), bèn hỏi thế này: “Câu có câu không như sản bu cây, cây ngã sản khô (biết) về đâu

nhỉ?”, chỉ được đáp rằng: “Khiến Trường Khánh mới có trận cười đây.” Đúng ngay đây, cũng có lời nói dễ nghe. Cái cười của Trường Khánh, ngầm chứa một cách sâu thẳm phương tiện thiện xảo của thiền Bách Trượng. Lão già chăn trâu ấy, đích xác là một tay đầy năng lực kế thừa gia nghiệp. Sách hay càng đọc càng “ghiền”, công án diệu càng nêu ra, càng tấm tắc khen. Do vậy, lại đem một đoạn sau đây cột thắt với công án vừa nêu, thể hiện tính tương quan của chúng:

“Thiền sư La Sơn Đạo Nhân (đệ tử của Thạch Đầu), tại Hòa Sơn, do đến lược Thượng tọa Thanh Quý thuyết pháp, Quý nói rằng: “Thiên hạ không có người thứ hai, Quy Sơn lớn nhỏ (chỉ cho bạn Thiền với nhau là Quy Sơn và Trường Khánh) còn cho Đạo Ngộ người khác (Thanh Quý có tên là Tông Trí, hành giả đặc pháp Lạc Sơn.) La Sơn hỏi: Đạo Ngộ có gì cho người khác? Quý đề cử Thạch Sương (Thạch Sương tên Khánh Chư, là đệ tử của Đạo Ngộ) bạch với Quy Sơn (từ đây về

sau, khi văn phẩm này nói đến Quy Sơn, tức là chỉ cho Trường Khánh), (Thạch Sương) vừa mới đứng dậy chấp tay thi lễ, Quy Sơn liền hỏi: Câu có câu không như sản bu cây, ý con thế nào? Sương không đáp, bèn đến hỏi ta. Ta hỏi: Xứ nào đến vậy? Sương đáp: Chỗ Quy Sơn đến. Ta hỏi: Có nói câu gì chẳng? Sương bèn nêu câu nói trước. Ta hỏi: Người sao chẳng giữ nó? Sương đáp: Chỉ vì nói không được, Ta nói: Người trông am hộ dùm ta, chờ ta báo thù hấn đã, “Ta ở tại Quy Sơn, núi

Quy đá dựng, tiếp bùn lầy (ý nói miệt mài lao động, đúng là sự tương tục của thiên đạo một cách rõ ràng, tình huống ấy nói lên sự thụ dụng của lão già chẵn trâu), chớ quay đầu nhìn Đạo Ngô ở sau lưng. Quy liền hỏi: Trí đầu đà vì sao đến đây? Ta đáp: Tông Trí chẳng vì chuyện riêng mà đến, (ông ta) đến chỉ vì Hòa thượng hỏi với các đồng đạo rằng: Cây ngã sản khô (biết) về đâu nhỉ, (hỏi như vậy) cũng là không chứ ? Quy nói: Đúng. Ta hỏi ngay: Thế nào khi cây ngã sản khô? Quy lớn

tiếng cười ha hả, bị lời ta đẩy xuống
vũng bùn, Quy Sơn hoàn toàn không
vùng nổi.”

Thượng tọa Quý đưa tay nói: Cái này
há chẳng phải là Quy Sơn (chỉ Trường
Khánh) đến được cùng Đạo Ngô của
người khác? La Sơn nói: Thượng tọa
sau ba mươi năm, lấy tranh che đầu, rất
kỵ nêu lên lời này. Quý không chịu, cứ
ghì lấy Đạo Ngô, bị La Sơn lôi té đất,
nói: Thừa đại chúng, thỉnh quý vị đừng
có la nhé! Hôm nay cùng Thượng tọa
Quý, vì Quy Sơn mà nói lời co quắp

lạnh căm, cứ phải nghiêng tai lãnh hội. Quý nói: biết vậy, biết vậy. Liền lễ lạy. La Sơn nói: Sao chẳng báo sớm, ông cũng biết Đạo Ngô sao? Chỉ có bản sắc trong trạm ngựa, hốt phân ngựa thôi.” Cảnh pháp chiến này, sát thương xem bằng thích.

Đạo Ngô là đại sư của hệ thống Thạch Đầu Lạc Sơn, trong buổi về hợp này, ông ấy mình trần ra trần, đâu đâu loạn động cũng hiện ra, mà thanh gươm quyền bính trước sau lại trong tay Trường Khánh. Thanh Quý chỉ biết

xem hiện tượng, chưa thể hội được tông phong diệu dụng của thanh gươm mà Bách Trượng ẩn tàng. Cho đến khi bị La Sơn lôi xuống đất, mới được khai tuệ nhãn, la lên: Cũng biết, cũng biết! Sau này các sư của tông Tào Động không dám nhắc đến tác công án này, ai lại vạch áo cho người xem lưng, cũng là thường lý vậy. Vị Trường Khánh già lỏi chặn trâu này, dưới pháp hội của Bách Trượng, đích xác là một viện thượng tướng, trong đồng môn trừ Hoàng Bá ngang kê, ngoài Quy Sơn,

Linh Thụ, sư quả là bậc tối tôn.

Trường Khánh một đời chỉ có Bách Trượng là thầy, gởi thiền duyệt trong sinh hoạt cần lao, từ nông nghiệp cho đến nông cụ, tất cả qua sự thể nghiệm của Ngài, đều bừng lên năng lực một cách sống động tuyệt vời.

5.2. Thiền sư Cổ Linh Thần ở Phước Châu

Thiền sư Thần Tán, ban đầu thụ nghiệp tại chùa Bồn Châu Đại Trung, sau này du phỏng, được Bách Trượng khai ngộ, liền trở về, Bồn sư hỏi: “Ông rời tôi ra

ngoài được sự nghiệp gì? Đáp: Không sự nghiệp gì cả, trả lời xong, liền đi lao động”. Một ngày kia vì người đấm mồ hôi, khiến phải đi tắm, sư vừa kỳ cọ lưng vừa nói: Phật đường được đẹp mà Phật chẳng linh. Bốn sư quay đầu nhìn, Sư nói: Phật tuy chẳng linh mà lại hay tỏa chiếu hào quang. Lại một ngày kia Bốn sư bên cửa sổ xem Kinh, một con ong vương chỉ mảnh cổ thoát, sư thấy vậy nói rằng: Thế giới bao la như vậy mà không thoát được, đồ mã (chỉ lừa - con lừa bằng giấy) mà kẹp người cả

năm qua. Liền nói kệ rằng:

“Cửa không mà chẳng chịu ra
Lao vào cửa sổ cũng đà quá ngu
Nên trăm năm bị cầm tù (vọng niệm
cầm tù)

Bao giờ giải thoát khỏi tù ngục đây?”

Bốn sư xếp kinh hỏi rằng: “Bước
phóng đạo của người gặp người nào?
Trước sau ta chẳng thấy người nói
năng tai quái quá như vậy. Sư đáp:
Thần Tán con được hòa thượng Bách
Trượng khai tâm chỉ chỗ kệ này, nay
muốn báo ân đức ấy.” Bốn sư nhân đây

cáo chúng thiết trai, mời sư thuyết pháp. Sư liền đăng tòa, nêu cao tông chỉ của Bách Trượng như sau:

“Linh quang độc chiếu
Hồi thoát căn trần.

Tự thể lộ chân thường

Văn tự ngữ ngôn không câu chấp

Yếu tánh của tâm vốn không câu
nhiễm

Vốn tự viên thành

Chỉ viễn ly vọng duyên

Tức Phật như như (tức như Phật
như).”

Dưới lời ấy Bồn sư cảm ngộ nói: “Bao giờ lão Thùy nghe được tắc sự cực kỳ đây”. Sau đó sư trụ Cổ Linh.

Cổ Linh (tức Thần Tán) đem tám câu “Độc chiếu linh quang”, làm nên môn phong của Bách Trượng, đáng được gọi là bậc hữu nhãn vẹn toàn (nhận thức thiền pháp của Bách Trượng một cách triệt để). Linh quang chỉ cho trí Bát-nhã, tức là câu “như nay được pháp tu nội quán” của Bách Trượng nói, cẩn thận chớ hiểu lầm thành ra sự vật của tư riêng. Đây là chìa khóa quan

trọng nhất.

5.3. Thiền sư Bình Điền Phổ Ngạn của núi Thiên thai

“Lâm Tế và sư trước khi đến ngã giao lộ, gặp một phụ nữ khiển trâu trên ruộng. Lâm Tế hỏi: Đường bằng phẳng đi hướng nào đây? Lúc đó người phụ nữ đánh trâu một gậy, nói rằng: loài súc sinh này gặp đâu âu đấy, ngay cả đường này cũng không biết nữa. Tế lại hỏi: Ta hỏi người ruộng rộng thênh thang (Bình Điền) đi hướng nào? Người phụ nữ hét lên: Loài súc sinh

này, năm năm rồi chưa khiễn được! Lâm Tế thăm nghĩ, muốn xem (quán) người này, trước hẩn xem chỗ khiễn, bèn có ý tháo mũi kim găm. Rồi nhìn sư, sư hỏi: Thầy cũng chưa biết mặt chị dâu tôi sao? Tế nói: Đã gặp rồi đây. Sư hỏi ngay: Cách gần đây chăng? Tế nói: Hoàng Bá Giang Tây. Sư: Nhà sáng tạo đến, xem mặt bắt hình dung. Tế đáp: Đặc biệt đến lễ lạy hòa thượng. Sư đáp: Đã gặp nhau rồi mà. Tế nói: Lễ chủ khách, ba lạy gộp cho. Sư nói: Đã lễ chủ khách, cứ lễ lạy đi.”

Trong bối cảnh đồng ruộng thênh thang, và nữ tử hiện bày thiên pháp, người phụ nữ ấy có thể trả lời ngay với Lâm Tế, đánh trâu hét trâu, bản sắc của nhà sáng tạo được thể hiện, gặp đúng Lâm Tế là bậc chuyên gia sử dụng gậy và hét, quả là “Cướp thức ăn của người đói, cướp trâu của nông phu cày”, có thể chẳng bảo người thứ ba chứng kiến, lớn tiếng cười ha hả. Đã hội ngộ cùng hai nhà đại sáng tạo là Lâm Tế và Bình Điện, hai bậc chủ khách chi phối Thiên phong, thế mà chủ khách ngẩn

ngơ, đây lại là một phối cảnh Thiên
đầy tánh cảm thụ.

Bình Điền một đời canh tác, lương
thực dồi dào, ruộng mãi cấy gieo,
nguyên lý thiên pháp của Bình Điền,
Lâm Tế đã dò la và nắm chắc riêng
mỗi, biết được Ngài có thủ thuật nhổ
tróc đinh găm, đúng là năng lực có
được nhờ xem trâu cày ruộng. A tẩu
(người phụ nữ) biết khiển trâu, Bình
Điền cũng là tay hàng phục. Lâm Tế
đến xem điệu tác tư phong, đâu phải là
chuyện nhỏ, ta có thể nhìn no con mắt

trong nhân duyên như vậy, động tịnh nhất như, cũng đâu phải là chuyện dễ.

Nói đến thiền phong của đệ tử nổi dòng Bách Trượng, trừ Hoàng Bá, Quy Sơn ra phải có một văn bản chuyên đề, ở đây, ba bậc thầy vừa nêu tôi chỉ xin lược thuật.

Tinh hoa thiền của Bách Trượng, đến đây xem như đã tạm hoàn thành qua quá trình giới thiệu. Vị đại sư của Phật giáo này, tính cách vĩ đại của tông môn, tính uyên thâm của sự sáng tạo chỉ đạo và, tác dụng rộng lớn của nền

học thuật tinh túy ấy, khó mà nói hết, trong việc sơ bộ phát thảo như vậy, tất nhiên những lỗi lầm đáng tiếc khó lòng tránh khỏi, thế nên kính mong đồng đạo chỉ giáo và hiệu đính cho.

[1] Đốt địa: Phạn ngữ dịch âm, có nghĩa là tiếng hét (Trung Văn Đại Từ Điển).

[2] Nguyên văn: “靈光獨耀。
迴脫根塵。體露真常。不拘文字。
心性無染。本自圓成。但離妄緣。

即如如佛. Linh quang độc diệu, hoi thoát căn trần, thể lộ chân thường, bát câu văn tự, tâm tính vô nhiễm, đản ly vọng duyên, tức như như Phật”. Thật ra, 8 câu kệ này chính là nguyên lý giáo pháp Lăng Già — citta svabhāva dharma-vidhiṃ nai-rātmyaṃ dṛṣṭa-vigataṃ hy amalam | pratyātma vedyagati sūcanakam deśehi nāyaka iha dharmanayaṃ. Tính vô ngã, ở đây, nằm ngoài (mọi) quan điểm, nó thuần tịnh; là nguyên lý giáo pháp điều ngự bản chất tâm (mà bản chất tịnh, nhiễm

của tâm có thể được điều phục).
 Nguyên đẳng Đại Đạo Sư chỉ cho con
 cương lĩnh giáo pháp ấy, nhằm dẫn vào
 cảnh giới tự chứng tri. (Laṅkāvatāra-
 Sūtra/p3/Bunyiiu Nanjio/Kyoto at the
 Otani University press 1956). N.D.

[3] Nguyên văn: Bát phong chi sở
 phiêu nịch 八風之所漂溺- Bát phong;
 8 thứ gió gây nên phiêu linh, chìm nổi,
 đó là: 1/ Lợi: Cái gì mang đến làm lợi
 cho mình thì gọi là Lợi. 2/ Suy: Cái gì
 gây tổn giảm cho mình thì gọi là Suy.
 3/ Hoại. Tức là hoại báng, bêu rếu; cho

rằng người đó ác độc, tạo nên lời nói xấu, để rồi khinh chê, nhạo báng. 4/ Cử: Tức đề cử, tán dương, vì được người khác tán dương mình, tuy chưa hội ngộ, nhưng vẫn đề cao khen ngợi. 5/ Xưng: Tức hay khoe khoang, vì xem trọng một người nào đó, nên trong đại chúng thường hay nêu lên việc thiện của người ấy. 6/ Nghị: Tức là mặc xác bằng lý luận ; vì ác ý với một ai đó, mà thật ra việc ấy không phải của họ. Dệt ra thành sự thật, sau đó nói rất rõ cho chúng nghe. 7/ Khổ: Tức là trạng thái

tâm lý luôn ở trong thúc ép, bức bách. Cho rằng lúc nào cũng gặp hoàn cảnh éo le, lúc nào cũng gặp những đối tượng hoặc điều kiện bất thiện, thân tâm nhận lấy những bức bách như vậy.

8/ Lạc: Tức tâm lý vui vẻ hài lòng, cho rằng gặp được thuận duyên, thiện cảnh (hoàn cảnh thuận lợi), thân tâm đều được hoan hỷ. Tám trạng thái này gây cho ta phiêu bạt đắm chìm nên ví chúng như là gió vậy. (佛光大詞典. Q1 cuối trang 292-293)

[4] Nguyên văn: 如何得自由分 Như hà

đắc tự do phần. 分 phần, ở đây không có nghĩa là thành phần hay bộ phận (share), mà có nghĩa là sự tu tập đắc giải thoát, tương tự như “Thuận giải thoát phần” trong Duy Thức (Tuệ Sỹ/ khóa giảng Duy Thức tại tu viện Già Lam).

[5] Nguyên văn: 鑒覺 Giám giác- tương đương với Phạn ngữ antaścārin (nội quán/ tu hành nội pháp) sva-budhi (tự tri /tự chứng tri), chúng được sử dụng trong kinh Lăng Già- antaścāriṇā na bahyārtha dṛṣṭy abhiniviṣṭena— Do

tu hành nội quán, nhà người không còn bị bám luyến bởi cái thấy từ bên ngoài (Laṅkāvatāra-Sūtra/ p.4 / Bunyiu Nanjio/Kyoto at the Otani University press 1956). N.D.

Nguyên tác Hán văn: **Nãi Quang**
 Nguồn: Phụ bản Nghiên cứu Phật học
 số 04

MỚI CẬP NHẬT: THỨ TƯ, 07 THÁNG
 4 2010 04:52